

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001-2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH

Sinh viên : Trần Thị Ngân
Người hướng dẫn : Th.S Bùi Văn Hòa

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU
LỊCH HẢI PHÒNG GIAI ĐOẠN 2011 – 2015**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH**

Sinh viên : Trần Thị Ngân
Người hướng dẫn : Th.S Bùi Văn Hòa

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thị Ngân

Mã số: 1366010015

Lớp: VHL 301

Ngành: Văn hóa du lịch

Tên đề tài: Đề xuất một số giải pháp phát triển du lịch Hải Phòng giai đoạn
2011- 2015

.....
.....
CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2010

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2010

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2010

HIỆU TRƯỞNG

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài:

Ngày nay du lịch đã trở thành một nhu cầu, hiện tượng kinh tế - xã hội phổ biến không chỉ ở các nước phát triển mà còn ở các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam. Một đất nước có nguồn tài nguyên du lịch khá phong phú. Ba phần tư lãnh thổ đất nước là đồi núi với nhiều cảnh quan thiên nhiên ngoạn mục, những cánh rừng nhiệt đới với loài cây cỏ chim muông, trên 3.000km bờ biển và những hệ thống sông hồ tạo nên các bức tranh thủy mặc sinh động... Năm mươi tư dân tộc anh em sinh sống trên một địa bàn rộng tới 300.000 km² với văn hóa, phong tục tập quán đa dạng. Tất cả có sức hấp dẫn mạnh mẽ không chỉ với con người Việt Nam mà còn với người nước ngoài.

Từ khi Đảng và Nhà nước ta chủ trương tiến hành công cuộc đổi mới, nhờ những chuyển biến trong các quan hệ đối ngoại, ngành Du lịch Việt Nam đã có những bước tiến nhất định và ngày càng phát huy vai trò của mình trong việc tăng cường đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Thành phố Hải Phòng là một trung tâm công nghiệp, thương mại và dịch vụ, một cửa biển chính, đầu mối giao thông quan trọng của miền Bắc cũng như của cả nước ta. Vị trí địa lý đặc biệt và điều kiện thiên nhiên ưu đãi của Hải Phòng không những là một lợi thế đối với sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội mà còn tạo ra những tiềm năng du lịch phong phú. Đất trời và biển cả Hải Phòng, với những địa danh du lịch nổi tiếng và những truyền thống nhân văn đặc sắc có sức thu hút đặc biệt đối với du khách. Vì vậy, việc phát triển du lịch trên địa bàn Hải Phòng là phù hợp với trào lưu của du lịch thế giới, với chiến lược phát triển của du lịch Việt Nam.

Trong những năm gần đây, ngành Du lịch Hải Phòng đã nỗ lực tăng cường công tác phát triển du lịch. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan tốc độ phát triển du lịch Hải Phòng còn chậm, chưa tương xứng với tiềm năng to lớn của thành phố.

Trước thực tế trên, với mong muốn góp một phần nhỏ vào công việc xây dựng, khai thác và phát triển du lịch Hải Phòng, em đã chọn đề tài: **“Đề xuất một số giải pháp phát triển du lịch Hải Phòng giai đoạn 2011 - 2015”** cho khóa luận của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài:

Mục đích của khóa luận là nghiên cứu tiềm năng và các hoạt động du lịch của Hải Phòng từ đó đề xuất những giải pháp phát triển để du lịch Hải Phòng trở thành một địa bàn du lịch hấp dẫn đối với du khách. Vì vậy, các vấn đề sau đây cần được nghiên cứu:

- Đặc điểm tự nhiên và tài nguyên du lịch của Hải Phòng
- Hiện trạng và các hoạt động du lịch trên địa bàn Hải Phòng
- Các giải pháp nhằm phát huy giá trị tiềm năng tự nhiên và nhân văn để tăng cường sức hấp dẫn của du lịch Hải Phòng

3. Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp thu thập và xử lý thông tin: phương pháp này rất quan trọng. Thông tin về các đối tượng nghiên cứu được thu thập từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau, được phân loại, được so sánh và chọn lọc kỹ và được tập hợp thành dữ liệu có tính hệ thống và đáng tin cậy.

- Phương pháp tiếp cận và phân tích, hệ thống: phương pháp này được sử dụng để thu thập và xử lý thông tin một cách hệ thống và xây dựng các mô hình của đối tượng nghiên cứu để xác định các chỉ tiêu thích hợp .

- Phương pháp thực địa: phương pháp này sử dụng để nghiên cứu du lịch góp phần làm cho kết quả mang tính xác thực. Tìm hiểu thực địa biết được các hoạt động du lịch tại Hải Phòng, hiểu được phần nào các vấn đề về thực tế để từ đó đề xuất những giải pháp hợp lý.

4. Đóng góp của khóa luận:

- Tiềm năng du lịch tự nhiên và du lịch nhân văn của Hải Phòng đã được nghiên cứu một cách có hệ thống.

- Trên cơ sở nghiên cứu những điều kiện về cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, thực trạng các hoạt động du lịch tại Hải Phòng đã được đánh giá đầy đủ.

- Trên cơ sở đánh giá tiềm năng và thực trạng của du lịch tại Hải Phòng khóa luận đề xuất một số giải pháp cho hoạt động du lịch của thành phố.

5. Bố cục của khóa luận:

Nội dung của khóa luận nhằm đánh giá tổng quan những vấn đề thực tiễn và lý luận về phát triển du lịch Hải Phòng. Ngoài phần mở đầu, phần kết luận, tài liệu tham khảo, phần phụ lục, khóa luận được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn du lịch

Chương 2: Tài nguyên du lịch Hải Phòng và thực trạng du lịch Hải Phòng giai đoạn 2006 - 2010

Chương 3: Một số giải pháp phát triển du lịch Hải phòng giai đoạn 2011-2015

CHƯƠNG I

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN DU LỊCH

1.1. Khái quát chung về du lịch

1.1.1. Khái niệm du lịch, khách du lịch, khu du lịch

** Khái niệm du lịch*

Ngày nay du lịch trở thành một hiện tượng kinh tế xã hội phổ biến. Hiệp hội lữ hành quốc tế đã công nhận du lịch là một ngành kinh tế lớn nhất thế giới vượt lên cả ngành sản xuất ô tô, thép điện tử và nông nghiệp. Vì vậy, du lịch đã trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều quốc gia trên thế giới.

Thuật ngữ du lịch đã trở nên khá thông dụng, nó bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp với ý nghĩa là đi một vòng. Du lịch gắn liền với nghỉ ngơi, giải trí, tuy nhiên do hoàn cảnh, thời gian và khu vực khác nhau, dưới mỗi góc độ nghiên cứu khác nhau nên khái niệm du lịch cũng không giống nhau.

Trong cuốn cơ sở địa lý du lịch và dịch vụ tham quan với nội dung khá chi tiết nhà địa lý Belarus đã nhấn mạnh “Du lịch là một dạng hoạt động của cư dân, trong thời gian rỗi có liên quan đến sự di cư và lưu trú tạm thời ngoài nơi ở thường xuyên, nhằm mục đích phát triển thể chất, tinh thần nâng cao trình độ nhận thức, văn hóa hoặc hoạt động thể thao, kèm theo việc tiếp thu những giá trị về tự nhiên, kinh tế, văn hóa và dịch vụ”.

Năm 1963, với mục đích quốc tế hóa, tại hội nghị Liên Hợp quốc về du lịch họp tại Roma, các chuyên gia đã đưa ra định nghĩa về du lịch: “Du lịch là tổng hợp các mối quan hệ, hiện tượng và các hoạt động kinh tế bắt nguồn từ các cuộc hành trình và lưu trú của cá nhân hay tập thể ở bên ngoài nơi ở thường xuyên của họ hay ngoài nước họ với mục đích hòa bình. Nơi họ đến cư trú không phải nơi làm việc của họ”.

Theo tổ chức du lịch thế giới UNWTO: “Du lịch là tổng thể các hiện tượng và các mối quan hệ xuất phát từ sự giao lưu giữa du khách và các nhà kinh doanh,

chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư trong quá trình thu hút và đón tiếp khách”.

Luật Du lịch Việt Nam 2005 đã đưa ra khái niệm như sau: “Du lịch là các hoạt động liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định”.

** Khái niệm khách du lịch*

Khách du lịch là những người từ nơi khác đến vào thời gian rảnh rỗi của họ nhằm mục đích thỏa mãn tại nơi đến về nhu cầu nghỉ ngơi, giải trí, nâng cao hiểu biết, phục hồi sức khỏe.

Có nhiều khái niệm khác nhau về khách du lịch, tuy nhiên do hoàn cảnh thực tế của mỗi nước, dưới quan điểm khác nhau của các học giả, các định nghĩa được đưa ra không hoàn toàn giống nhau. Khách du lịch đều được coi là người đi khỏi nơi cư trú thường xuyên của mình và không theo đuổi mục đích kinh tế.

Luật Du lịch Việt Nam năm 2005 đã đưa ra khái niệm về khách du lịch như sau: “*Khách du lịch là người đi du lịch hoặc kết hợp đi du lịch trừ trường hợp đi học, làm việc hoặc hành nghề để nhận thu nhập ở nơi đến*”.

Khách du lịch gồm khách du lịch nội địa và khách du lịch quốc tế:

+ Khách du lịch nội địa là công dân Việt Nam, người nước ngoài thường trú tại Việt Nam đi du lịch trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

+ Khách du lịch quốc tế là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam du lịch, công dân Việt Nam, người nước ngoài thường trú ở Việt Nam ra nước ngoài du lịch.

** Khái niệm khu du lịch*

Các nhà khoa học du lịch Trung Quốc đã đưa ra khái niệm sau về khu du lịch: Khu du lịch được xác định là đơn vị cơ bản để làm quy hoạch và quản lý du lịch, là thể tổng hợp địa lý lấy chức năng du lịch làm chính và nội dung quy hoạch quản lý để triển khai các hoạt động du lịch.

Theo Luật Du lịch Việt Nam năm 2005: “*Khu du lịch là nơi có tài nguyên du lịch ưu thế, nổi bật về tài nguyên thiên nhiên được quy hoạch đầu tư phát triển, nhằm thỏa mãn nhu cầu đa dạng của khách du lịch đem lại hiệu quả kinh tế xã hội và môi trường*”.

1.1.2. Tài nguyên du lịch

** Khái niệm về tài nguyên du lịch*

Luật Du lịch Việt Nam đã đưa ra khái niệm về tài nguyên du lịch như sau: Tài nguyên du lịch được hiểu là cảnh quan thiên nhiên, các di tích lịch sử cách mạng, các giá trị nhân văn, các công trình sáng tạo của con người có thể sử dụng nhằm thỏa mãn nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản hình thành điểm du lịch, khu du lịch nhằm tạo sự hấp dẫn với du khách.

Cuốn Địa lý du lịch đã được các tác giả nghiên cứu và đưa ra khái niệm tài nguyên du lịch như sau: Tài nguyên du lịch là tổng thể tự nhiên và văn hóa lịch sử cùng các thành phần của chúng góp phần khôi phục và phát triển thể lực và trí lực của con người, khả năng lao động và sức khỏe của họ, những tài nguyên này được sử dụng cho nhu cầu trực tiếp và gián tiếp, cho việc sản xuất dịch vụ du lịch.

Vai trò của tài nguyên du lịch trong việc phát triển du lịch:

- Du lịch là một ngành có định hướng tài nguyên rõ rệt. Tài nguyên du lịch ảnh hưởng trực tiếp đến tổ chức lãnh thổ của ngành du lịch, đến cấu trúc và chuyên môn hóa của vùng du lịch. Quy mô hoạt động của một vùng, một quốc gia được xác định trên cơ sở khối lượng nguồn tài nguyên. Sức hấp dẫn của vùng du lịch phụ thuộc nhiều vào tài nguyên du lịch.

- Tài nguyên du lịch là một trong những yếu tố cơ sở để tạo nên vùng du lịch. Số lượng tài nguyên vốn có, chất lượng của chúng và mức độ kết hợp các loại tài nguyên trên lãnh thổ có ý nghĩa đặc biệt trong việc hình thành và phát triển du lịch của một vùng hay một quốc gia. Một lãnh thổ nào đó có nhiều tài nguyên du lịch với chất lượng cao, mức độ kết hợp tài nguyên phong phú sẽ thu hút khách du lịch càng mạnh.

** Phân loại tài nguyên du lịch.*

Tài nguyên du lịch bao gồm tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn

- Tài nguyên du lịch tự nhiên: là các đối tượng và hiện tượng trong môi trường tự nhiên bao quanh chúng ta có khả năng làm thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch như: nghỉ ngơi, giải trí, tham quan, nghiên cứu khoa học... được con người khai thác phục vụ cho hoạt động du lịch. Tài nguyên du lịch bao gồm: Vị trí địa lý, địa hình, nguồn nước, khí hậu, sinh vật.

Tài nguyên du lịch nhân văn: Theo Luật Du lịch Việt Nam năm 2005, tài nguyên du lịch nhân văn gồm: Truyền thống văn hóa, các yếu tố văn hóa, văn nghệ dân gian, di tích lịch sử cách mạng, kiến trúc các công trình lao động sáng tạo của con người và các di sản văn hóa phi vật thể sử dụng mục đích du lịch.

1.1.3. Đặc điểm của sản phẩm du lịch

Sản phẩm du lịch là tập hợp tất cả các dịch vụ cần thiết để thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch.

Sản phẩm du lịch có sự khác biệt với sản phẩm thông thường khác:

- Sản phẩm du lịch thường mang tính vô hình, nó được bán trước khi khách du lịch nhìn thấy, khách hàng không thể thử nghiệm được như những hàng hóa thông thường khác.

- Sản phẩm du lịch thường ở xa nơi cư trú thường xuyên của khách trong khi hàng hóa khác thường ở gần và thuận lợi cho nhu cầu tiêu dùng của khách. Vì vậy, muốn mua sản phẩm du lịch đòi hỏi khách hàng phải sử dụng hệ thống các nhà trung gian. Khách hàng mua sản phẩm du lịch thường phải tốn nhiều thời gian và tiền bạc nhưng họ lại ít trung thành với sản phẩm du lịch.

- Sản phẩm du lịch được tạo ra bởi nhiều ngành kinh doanh khác nhau như: kinh doanh lữ hành, kinh doanh dịch vụ lưu trú, ăn uống, kinh doanh vận chuyển khách du lịch, dịch vụ vui chơi giải trí... hàng hóa thông thường khác được tạo ra bởi một ngành kinh doanh nhất định, do vậy với du lịch để tạo ra một sản phẩm đồng nhất là rất khó khăn.

- Sản phẩm du lịch không thể dịch chuyển được. Sản phẩm du lịch được tạo ra gắn với tài nguyên du lịch, không thể đưa sản phẩm du lịch đến nơi có du khách mà bắt buộc khách du lịch phải đến nơi có sản phẩm du lịch để thỏa mãn nhu cầu du lịch của mình thông qua việc tiêu dùng các sản phẩm du lịch.

- Sản phẩm du lịch không thể cất trữ, tồn kho như các hàng hóa thông thường khác, quá trình tạo ra và tiêu dùng sản phẩm du lịch là đồng thời, do vậy khó khăn để tạo ra sự ăn khớp giữa sản xuất và tiêu dùng sản phẩm du lịch.

Hoạt động kinh doanh du lịch thường mang tính thời vụ nên việc tiêu dùng sản phẩm du lịch thường xuyên không diễn ra đều đặn mà chỉ có thể trong thời gian nhất định.

1.1.4. Các loại hình du lịch

Hoạt động du lịch có thể phân loại thành các nhóm khác nhau tùy thuộc vào tiêu chí đưa ra.

- *Căn cứ vào môi trường tài nguyên:*

Hoạt động du lịch chia thành hai nhóm lớn là du lịch văn hóa và du lịch thiên nhiên.

+ Du lịch văn hóa diễn ra chủ yếu trong môi trường nhân văn, là tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn du khách, nó thu hút khách du lịch bởi tính phong phú, độc đáo, tính truyền thống cũng như tính địa phương của nó. Bao gồm các công trình đương đại, các di tích lịch sử, lễ hội, phong tục tập quán . . .

+ Ngược lại du lịch thiên nhiên diễn ra nhằm thỏa mãn nhu cầu về giới tự nhiên của con người. Trong số các loại hình du lịch thiên nhiên có thể kể đến loại hình du lịch biển, du lịch sinh thái, du lịch leo núi, du lịch thôn quê . . . du lịch thiên nhiên được coi là loại hình du lịch đưa khách về những nơi có điều kiện môi trường tự nhiên trong lành, cảnh quan thiên nhiên hấp dẫn, nhằm thỏa mãn nhu cầu đặc trưng của họ.

- *Căn cứ vào mục đích chuyến đi:*

Chuyến đi của con người có thể mang mục đích thuần túy, du lịch tức là chỉ nhằm mục đích nghỉ ngơi, giải trí, nâng cao nhận thức tại chỗ về thế giới xung

quanh. Ngoài ra còn có những chuyến đi vì mục đích khác như: học tập, công tác, hội nghị, hội thảo, thể thao, tôn giáo . . . Trong những chuyến đi này người ta sử dụng các dịch vụ lưu trú, ăn uống tại khách sạn, nhà nghỉ và tranh thủ thời gian rảnh rỗi để tham quan nghỉ ngơi nhằm thẩm nhận những giá trị của thiên nhiên và đời sống văn hóa tại nơi đến. Trên cơ sở đó có thể chia thành các loại hình du lịch như: du lịch tham quan, du lịch thể thao, du lịch giải trí, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch khám phá, du lịch lễ hội, du lịch tôn giáo, du lịch chữa bệnh, du lịch thăm thân, du lịch kinh doanh .

- *Căn cứ vào phạm vi lãnh thổ:*

Có du lịch quốc tế và du lịch nội địa:

Du lịch quốc tế là loại hình du lịch mà trong quá trình thực hiện có sự giao tiếp với người nước ngoài, một trong hai phía phải sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp. Về mặt không gian địa lý du khách đi ra ngoài đất nước của họ về mặt kinh tế có sự thanh toán bằng ngoại tệ. Du lịch quốc tế chia làm hai loại nhỏ là du lịch đón khách và du lịch gửi khách.

Du lịch nội địa được hiểu là các hoạt động tổ chức phục vụ khách trong nước hoặc người nước ngoài cư trú đi du lịch, nghỉ ngơi tham quan, các đối tượng trong phạm vi lãnh thổ quốc gia. Về cơ bản không có sự thanh toán bằng ngoại tệ.

- *Căn cứ vào đối tượng khách du lịch:* Du lịch thanh thiếu niên, du lịch dành cho người cao tuổi, du lịch phụ nữ, du lịch gia đình.

- *Căn cứ vào hình thức tổ chức chuyến đi:* Du lịch theo đoàn, du lịch cá nhân.

- *Căn cứ vào phương tiện giao thông:* Du lịch bằng xe đạp, du lịch bằng xe máy, du lịch máy bay, tàu hỏa, tàu thủy.

- *Căn cứ vào độ dài chuyến đi:* Du lịch ngắn ngày, du lịch dài ngày

- *Căn cứ vào loại hình lưu trú:* du lịch ở khách sạn, du lịch lều trại, du lịch ở làng du lịch.

1.1.5. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển của du lịch

- *Dân cư và lao động :*

Dân cư là lực lượng sản xuất quan trọng của xã hội và cũng là đối tượng phục vụ của hoạt động du lịch. Cùng với lao động, dân cư còn có nhu cầu nghỉ ngơi giải trí, số người lao động và học sinh, sinh viên tăng lên kéo theo sự gia tăng của các loại hình du lịch khác nhau. Việc nắm bắt đúng và đầy đủ số dân, thành phần dân tộc, đặc điểm nhân khẩu và sự phân bố dân cư có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển du lịch.

- *Điều kiện kinh tế xã hội :*

Sự phát triển của nông nghiệp và ngành công nghiệp dịch vụ có ý nghĩa quan trọng đối với du lịch vì ngành du lịch tiêu thụ một khối lượng lớn lương thực, thực phẩm.

Mạng lưới giao thông vận tải là một trong những nhân tố chính cho sự phát triển du lịch, đặc biệt đối với du lịch quốc tế. Giao thông vận tải phát triển cả về số lượng và chất lượng sẽ đáp ứng được nhu cầu của khách du lịch.

- *Nhu cầu nghỉ ngơi giải trí :*

Nhu cầu đi du lịch và sự thay đổi của nó theo không gian và thời gian trở thành một nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch. Nhu cầu nghỉ ngơi du lịch là hệ thống gồm 3 mức độ là: xã hội, nhóm người và cá nhân.

- *Thời gian rỗi :*

Là thời gian ngoài giờ lao động trong đó diễn ra các hoạt động nhằm phục hồi và phát triển thể chất, trí lực và tinh thần của con người.

Du lịch được thực hiện trong thời gian rỗi, không có thời gian rỗi con người không thể đi du lịch. Thời gian rỗi là điều kiện cần phải có để tham gia vào hoạt động xã hội.

- *Trình độ dân trí:*

Sự phát triển của hoạt động du lịch phụ thuộc vào trình độ văn hóa chung của người dân đất nước đó. Trình độ văn hóa của cộng đồng được nâng cao thì nhu cầu đi du lịch của nhân dân ở đó phát triển. Trình độ dân trí thể hiện bằng hành động, cách ứng xử với môi trường tự nhiên xung quanh, bằng thái độ của khách

với dân địa phương, bằng cách ứng xử của khách tại nơi đến du lịch, sẽ tạo điều kiện thúc đẩy du lịch phát triển và ngược lại nó sẽ kích thích sự phát triển của hoạt động du lịch.

- *Điều kiện sống và quá trình đô thị hóa:*

Trong quá trình đi du lịch đòi hỏi khách phải có khả năng thanh toán các dịch vụ, như vậy chỉ khi có nhu cầu cao, có điều kiện sống tốt con người mới nghĩ đến việc đi du lịch, nghỉ ngơi, tham quan.

Quá trình đô thị hóa có những đóng góp to lớn trong việc cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của con người. Song quá trình đô thị hóa cũng mang lại nhiều hạn chế như: dân cư đông đúc, ô nhiễm môi trường, ô nhiễm tiếng ồn . . . có ảnh hưởng không tốt tới sức khỏe người dân.

- *Chính sách phát triển du lịch:*

Chính sách phát triển du lịch ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động du lịch của một đất nước. Một quốc gia có chính sách phát triển du lịch tốt sẽ đưa du lịch của nước đó phát triển nhanh và mạnh trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn và đóng góp lớn vào thu nhập quốc dân của nước đó.

- *Nhân tố an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội :*

Du lịch giúp du khách hiểu biết về đất nước, con người, lịch sử truyền thống dân tộc cũng như nền kinh tế, văn hóa, xã hội của các nước mà họ đến thăm. Trên cơ sở đó, du lịch đã tăng cường tình đoàn kết giữa các dân tộc vì hòa bình sự phồn vinh của nhân loại. Một đất nước có tình hình chính trị ổn định thì du khách sẽ đến du lịch nhiều hơn vì họ không phải lo lắng về tình hình chính trị ở nước đó nữa.

1.1.6. Chức năng của hoạt động du lịch

Hoạt động du lịch có 4 chức năng cơ bản sau:

- *Chức năng xã hội:*

Thể hiện ở vai trò của du lịch trong việc giữ gìn, tăng cường và phục hồi sức khỏe. Trong chừng mực nào đó, du lịch có tác dụng hạn chế bệnh tật, kéo dài tuổi thọ và tăng khả năng lao động của con người. Các công trình nghiên cứu về sinh học khẳng định rằng nhờ có chế độ nghỉ ngơi và đi du lịch tối ưu, bệnh tật của dân

cur trung bình giảm 30%, bệnh đường hô hấp giảm 40%, bệnh thần kinh giảm 30%, bệnh đường tiêu hóa giảm 20%.

Thông qua hoạt động du lịch đông đảo quần chúng nhân dân có điều kiện tiếp xúc với những thành tựu văn hóa phong phú và lâu đời của các dân tộc, từ đó tăng thêm lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết quốc tế, hình thành phẩm chất tốt đẹp như lòng yêu lao động, tình bạn . . . Điều đó quyết định sự phát triển cân đối về nhân cách của mỗi cá nhân trong toàn xã hội.

- Chức năng kinh tế:

Chức năng này của du lịch thể hiện ở sự liên quan mật thiết với vai trò của con người như là lực lượng sản xuất chủ yếu của xã hội. Hoạt động sản xuất là cơ sở tồn tại của xã hội. Việc nghỉ ngơi, du lịch một cách tích cực và được tổ chức hợp lý sẽ đem lại những kết quả tốt đẹp. Một mặt nó góp phần vào việc phục hồi sức khỏe cũng như khả năng lao động và mặt khác đảm bảo tái sản xuất mở rộng lực lượng lao động với hiệu quả kinh tế rõ rệt.

Ngoài ra chức năng kinh tế của du lịch còn thể hiện ở khía cạnh khác. Đó là dịch vụ du lịch, một ngành kinh tế độc đáo, ảnh hưởng đến cơ cấu ngành và cơ cấu lao động của nhiều ngành kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, ngoại thương... là cơ sở quan trọng tạo đà cho nền kinh tế phát triển.

- Chức năng môi trường :

Tạo môi trường sống ổn định về mặt sinh thái. Nghỉ ngơi du lịch là nhân tố có tác dụng kích thích việc bảo vệ, khôi phục và tối ưu hóa môi trường thiên nhiên bao quanh, bởi vì chính môi trường này có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và hoạt động con người.

Việc đẩy mạnh hoạt động du lịch, tăng mức độ tập trung khách vào những vùng nhất định đòi hỏi phải tối ưu hóa quá trình sử dụng tự nhiên với mục đích du lịch. Lúc này đòi hỏi con người phải tìm kiếm các hình thức bảo vệ tự nhiên, đảm bảo điều kiện sử dụng nguồn tài nguyên một cách hợp lý.

Giữa xã hội và môi trường trong lĩnh vực du lịch có mối quan hệ chặt chẽ một mặt xã hội đảm bảo sự phát triển tối ưu của du lịch nhưng mặt khác lại phải

bảo vệ môi trường tự nhiên khỏi tác động phá hoại của các dòng du khách và việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch. Như vậy, giữa du lịch và bảo vệ môi trường có mối liên quan gắn gũi với nhau.

- Chức năng chính trị:

Chức năng chính trị của du lịch được thể hiện ở vai trò to lớn của nó như là một nhân tố hòa bình đẩy mạnh các mối giao lưu quốc tế, mở rộng sự hiểu biết giữa các dân tộc. Du lịch quốc tế làm cho con người sống ở các khu vực khác nhau hiểu biết và xích lại gần nhau. Mỗi năm, hoạt động du lịch có những chủ đề khác nhau như “du lịch là giấy thông hành của hòa bình (1967)”, “du lịch không chỉ là quyền lợi mà còn là trách nhiệm của mỗi người (1983)”... Kêu gọi hàng triệu người quý trọng lịch sử, văn hóa và truyền thống của các quốc gia, giáo dục lòng mến khách và trách nhiệm của chủ nhà đối với khách du lịch tạo nên sự hiểu biết và tình hữu nghị giữa các dân tộc.

1.2. Vai trò của hoạt động du lịch

1.2.1. Vai trò của hoạt động du lịch đối với sự phát triển kinh tế xã hội

Trong sự phát triển của khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin, du lịch đã trở thành một ngành kinh tế quan trọng đối với quốc gia, là ngành kinh tế tổng hợp có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, chính trị.

Hoạt động du lịch góp phần phát triển kinh tế của đất nước. Du lịch phát triển kéo theo sự phát triển của nhiều ngành kinh tế khác và tăng ngoại tệ, có nguồn vốn lớn để đầu tư vào các lĩnh vực khác như y tế, giáo dục, môi trường . . .

Nhu cầu của khách du lịch ngày càng cao do đó các ngành kinh tế có liên quan đến việc sản xuất ra các sản phẩm phục vụ du lịch đòi hỏi không ngừng phải đổi mới nâng cao dây chuyền công nghệ, đầu tư vốn và sử dụng đội ngũ lao động có chuyên môn. Du lịch có lợi thế là khi bán các sản phẩm cho khách với giá bán lẻ cao, nhưng khách du lịch vẫn cảm thấy hài lòng vì du khách được mua sản phẩm ngay tại nơi sản xuất, khách có thể yên tâm về chất lượng của sản phẩm. Bán hàng cho khách du lịch tiết kiệm được nhiều chi phí như: thuế xuất khẩu, chi phí bảo quản và chi phí vận chuyển . . .

Du lịch là ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế quốc dân, đối với nhiều quốc gia là ngành kinh tế mũi nhọn, thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển. Đối với Việt Nam, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, đã xác định vị trí và tầm quan trọng của ngành du lịch “*phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn*”.

Du lịch phát triển tạo việc làm cho người lao động, tăng thu nhập, nâng cao mức sống của người dân góp phần xóa đói giảm nghèo.

Du lịch góp phần nâng cao nhận thức của người dân về văn hóa từ đó có ý thức giữ gìn, bảo vệ truyền thống văn hóa bản địa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Hoạt động du lịch góp phần bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng môi trường, đó là sự bảo vệ tài nguyên du lịch thiết thực nhất mà mỗi du khách khi đi du lịch có thể làm được.

Du lịch phát triển tạo điều kiện nâng cao cơ sở vật chất phục vụ du lịch như: nhà hàng, khách sạn, phương tiện vận chuyển, khu vui chơi. . . và cơ sở hạ tầng như: hệ thống đường giao thông, hệ thống điện, nước . . .

Hoạt động du lịch làm tăng thêm tình đoàn kết hữu nghị giữa các quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

1.2.2. Vai trò của hoạt động du lịch đối với sự phát triển du lịch Hải Phòng

Trong những năm qua, du lịch Hải Phòng có sự phát triển đáng kể. Hoạt động du lịch đã góp phần quan trọng tích cực vào quá trình tạo nên thu nhập quốc dân.

Du lịch phát triển sẽ tăng nguồn thu ngân sách cho địa phương có hoạt động du lịch từ các khoản trích nộp ngân sách của các cơ sở du lịch trực thuộc quản lý trực tiếp của các địa phương và từ các khoản thuế phải nộp của các doanh nghiệp du lịch kinh doanh trên địa bàn thành phố.

Du lịch thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế khác trong thành phố Hải Phòng. Du lịch góp phần giải quyết việc làm cho người lao động, góp phần thay đổi bộ mặt kinh tế và giảm quá trình đô thị hóa.

Du lịch là phương tiện tuyên truyền quảng cáo có hiệu quả cho Hải Phòng với du khách mà không phải mất tiền đồng thời du lịch còn là phương tiện giáo dục lòng yêu nước giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc.

CHƯƠNG II

TÀI NGUYÊN VÀ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH HẢI PHÒNG GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

2.1. Tài nguyên du lịch Hải Phòng

2.1.1. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch tự nhiên

2.1.1.1. Vị trí địa lý

Vị trí địa lý: Thành phố Hải Phòng nằm về phía Đông Bắc đồng bằng Bắc Bộ, có tọa độ địa lý từ 20 030' đến 210 01' vĩ độ Bắc, 106 025' đến 107 010' kinh độ Đông, cách thủ đô Hà Nội 102 km về phía Đông Nam. Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ninh, phía Tây giáp tỉnh Hải Dương, phía Nam giáp tỉnh Thái Bình, phía Đông là vịnh Bắc Bộ. Diện tích tự nhiên toàn thành phố là 1.519km², chiếm 0,46% tổng diện tích cả nước, gồm 7 quận nội thành và 8 huyện, trong đó có 2 huyện đảo. Các tuyến đường giao thông quan trọng như đường quốc lộ 5 dài trên 100 km là đường cấp II nối cảng Hải Phòng đi Hà nội và các tỉnh khác, quốc lộ 10 là tuyến đường cấp 3 đồng bằng có chiều dài trên 200 km nối liền các tỉnh: Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình; đường sắt Hải Phòng - Hà Nội; đường thủy: Hải Phòng có 1.125 km bờ biển và 5 cửa sông lớn đổ ra biển, trong đó có hơn 30 km là cảng biển Hải Phòng và là một trong những cảng biển quốc tế quan trọng của các tỉnh phía Bắc. Ngoài ra Hải Phòng còn có hệ thống sông ngòi tạo ra nhiều tuyến đường sông đi các tỉnh thuộc đồng bằng Bắc Bộ; đường hàng không: Chủ yếu bay nội địa nối Hải Phòng với thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng - Đà Nẵng.

2.1.1.2. Địa hình

Lục địa và hải đảo Hải Phòng có một đặc điểm khá phức tạp. Hình thái và địa hình Hải Phòng được chia thành 3 khu vực tương đối rõ rệt theo các chỉ tiêu về độ cao, độ dốc và mật độ chia cắt.

** Khu vực lục địa và hải đảo*

Khu vực này bao gồm vùng núi thấp chia cắt mạnh chiếm 10% diện tích của thành phố, phân bố ở các đảo Cát Bà, Long Châu và một số đảo khác trong vịnh Lan Hạ.

Ở đảo Cát Bà, hầu hết các đỉnh có độ cao khoảng 100 - 150m, đỉnh cao nhất (331m) ở phần phía tây của đảo. Đặc điểm nổi bật nhất của các núi ở đây là đỉnh nhọn sắc, sườn dạng răng cưa dốc đứng hiểm trở, lởm chởm, tai mèo. Các sườn có góc dốc trên 50% chiếm 89% diện tích bề mặt, các sườn dốc 20⁰ -50⁰ chiếm 4% và các sườn có góc nhỏ hơn 10⁰ chiếm 6%. Độ chia cắt sâu lớn, chủ yếu vào khoảng 80 - 200m. Nơi có độ sâu chia cắt lớn nhất là các vùng núi phía Tây, Tây Bắc và Bắc. Độ chia cắt sâu dày cũng rất lớn, các dạng dương và âm phân bố dày đặc. Các dạng âm lớn nhất là các thung lũng giữa núi, nguồn gốc kiến tạo xâm thực hướng tây bắc đông nam. Các dạng âm nhỏ hơn là rãnh, nguồn gốc xâm thực hòa tan đá vôi hoặc các phế liệu karts. Với trị số chia cắt dày phổ biến ở mức trên 10km², vùng núi Cát Bà là một trong những nơi có độ chia cắt dày lớn nhất ở Việt Nam.

Ở các đảo đá vôi khác trong vịnh Lan Hạ và quần đảo Long Châu, độ cao của các đỉnh thấp hơn so với Cát Bà, hầu hết ở trong khoảng 100 - 200m nhiều đỉnh chỉ cao chục mét.

Vùng đồi chia cắt mạnh chiếm 5% diện tích thành phố tập trung chủ yếu ở phía Bắc huyện Thủy Nguyên, chạy dài theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Các đồi núi chủ yếu là Núi Đèo 146m, Phi Liệt 146m, Mỏ Vịt 116m, Mã Chàng 114m, Doãn Lại 109m, Hạ Côi 108m.

Vùng đồi bằng phẳng chiếm 85% diện tích thành phố trải ra trên các quận huyện thị xã Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, Kiến An, Đồ Sơn, An Hải, phía Nam huyện Thủy Nguyên và nội thành Hải Phòng.

Độ cao trung bình của bề mặt đồng bằng là 0,8 - 1,2m. Trên bề mặt đồng bằng có một số đồi núi sót tập trung trong khu vực cấu trúc hình thái dương Kiến An, Đồ Sơn trùng với phân bố phức nếp lồi Kiến An như núi Voi, Xuân Sơn, Phú Liễn, Kha Lâm, núi Đồi và Đồ Sơn.

** Đới bờ biển hiện đại*

Khu vực này gồm hai vùng khác biệt về hình thái:

- Vùng đới bờ dốc, chia cắt rất mạnh phân bố ở vùng Cát Bà, Long Châu, Bạch Long Vĩ dài khoảng 200km.

- Vùng đới bờ thoải chia cắt tương đối mạnh kéo dài từ phù long đến cửa sông Thái Bình dài khoảng 100km.

** Đới bờ cổ bị ngập nước*

Khu vực này gồm 4 vùng:

- Vùng đồng bằng bằng phẳng ven đới bờ biển hiện đại chiếm phần lớn diện tích hải phòng.

- Vùng đồng bằng dạng sóng gần đảo Bạch Long vĩ phân bố thành một dải rộng.

- Vùng đồng bằng bằng phẳng trung tâm vịnh Bắc Bộ.

- Vùng đồng bằng dạng sóng đáy vịnh Lan Hạ phân bố trong vùng biển kín vịnh Lan Hạ.

- Sự phong phú và đa dạng về hình thái địa hình hải phòng đã tạo ra nhiều cảnh quan, địa hình thuận lợi cho việc phát triển các loại hình du lịch

2.1.1.3. Khí hậu, thủy văn, hải văn

** Khí hậu*

Thành phố Hải Phòng nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, một năm có 2 mùa rõ rệt. Nhiệt độ trung bình năm từ 20°C - 23°C , trong đó tháng lạnh nhất là tháng 11 và tháng 12 với nhiệt độ trung bình từ 10°C - 18°C . Lượng mưa trung bình hàng năm từ 1.000 - 1.900 mm, lượng mưa thấp nhất vào tháng 1 và tháng 12, khoảng 24 - 25 mm. Tổng số giờ nắng trong năm dao động từ 1.600 – 1.800 giờ, độ ẩm tương đối từ 84% - 88%. Các hiện tượng sương muối thường xảy ra vào tháng 2 và tháng 3 trong năm với tần xuất khoảng 30 ngày/năm.

** Thủy văn*

Hải Phòng có mạng lưới sông ngòi dày đặc, mật độ trung bình từ 0,6 - 0,8 km trên 1 km². Phía Bắc là ranh giới với tỉnh Quảng Ninh có sông Đá Bạc nối thông với sông Bạch Đằng ở phía Đông đổ ra biển ở cửa Bạch Đằng. Sông Giá, một nhánh rẽ của sông Đá Bạc ở phía Tây Bắc huyện Thủy Nguyên, chảy theo

hướng Tây Bắc - Đông Nam ra sông Bạch Đằng. Sông Kinh Thầy (sông Hàn) và sông Kinh Môn ở Hải Dương đổ về hợp nhau tại phía Tây Nam của huyện Thủy Nguyên thành sông Cấm đổ ra cửa Cấm. Sông Lạch Tray tách ra từ sông Thái Bình ở phía Tây Bắc của huyện An Lão, chảy quanh co qua các quận huyện phía Nam thành phố rồi ra biển ở cửa Lạch Tray. Sông Văn Úc cũng là chi lưu của sông Thái Bình chảy phía Nam sông Lạch Tray, ra cửa biển Văn Úc. Sông Thái Bình chảy giữa hai huyện Vĩnh Bảo và Tiên Lãng, ra biển ở cửa Thái Bình. Nhìn chung, sông ngòi Hải Phòng đều là các chi lưu của sông Thái Bình đổ ra vịnh Bắc Bộ chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam.

** Hải văn*

Là nhân tố tự nhiên nổi bật nhất của Hải Phòng, biển có tác động thường xuyên và đáng kể đối với các quá trình tự nhiên và đời sống xã hội. Vùng biển Hải Phòng có chế độ nhật triều, mỗi tháng có tới 11 ngày nhật triều (mỗi ngày có 1 lần nước lớn và một lần nước ròng). Mức triều lớn nhất ở Hòn Dấu là 4,0m, ở cảng Hải Phòng và Cát Bà là 4,3m, ở Bạch Long Vĩ là 3.9m, ở cảng Vạn Hoa là 5m.

Chế độ sóng trên vùng biển Hải Phòng chia làm hai mùa từ tháng 10 đến tháng 3 với hướng sóng thịnh hành Đông - Đông Bắc và từ tháng 5 đến tháng 8 với hướng sóng Nam không chế toàn vùng biển. Trong mùa gió Đông Bắc, độ cao sóng từ 0,75m đến 1,2 m và có thể lên tới 2,2m. Về mùa hè, độ cao sóng trung bình từ 1,2m đến 1,5 m có thể lên tới 4,8m, riêng sóng Bắc có thể cao tới 10m. Tuy nhiên trong những vùng vịnh kín sóng có độ cao trung bình thấp hơn.

Nước biển có nhiệt độ trung bình dưới 20⁰C về mùa đông thấp nhất vào tháng 2 và trên 25⁰C vào mùa hè, cao nhất vào tháng 6. Về mùa đông, độ mặn tầng mặt trên toàn vùng biển Hải Phòng gần như đông nhất khoảng 31% trong các tháng 2,3,4 độ mặn đạt giá trị cao là 32%.

2.1.1.4. Tài nguyên sinh vật

Tài nguyên sinh vật ở Hải Phòng tương đối đa dạng và phong phú có giá trị đặc biệt đối với hoạt động du lịch là vườn quốc gia Cát Bà với 754 loài thực vật bậc cao thuộc 495 chi và 149 họ thực vật, trong đó có nhiều loài quý hiếm như lát hoa, kim giao, đinh . . . Hải Phòng có khoảng 11.000 ha bãi triều, tập trung nhiều

nhất ở vùng ven biển và các cửa sông Cẩm, Bạch Đằng, phía Bắc Đồ Sơn kéo dài tới địa phận Quảng Ninh, có những cánh rừng rộng như Cái Viêng, Hòn Xoài Lớn, Hòn Xoài Nhỏ. Thực vật ở đây gồm những loại cây chịu mặn thuộc họ đước, họ bần . . . Ngoài giá trị kinh tế và giá trị phòng hộ giữ đất ngăn sông bảo vệ đê ven biển, thảm rừng ngập mặn còn có sức hấp dẫn du khách ưa thích loại hình du lịch sinh thái và nghiên cứu.

Tuy không phong phú như ở nhiều khu bảo tồn thiên nhiên và các vườn quốc gia khác, hệ động thực vật ở đây cũng rất đa dạng với 20 loài thú, 69 loài chim, 15 loài bò sát, 11 loài ếch nhái, 105 loài cá, 100 loài thân mềm, 60 loài giáp xác . . . tất cả đều có giá trị phục vụ du lịch.

2.1.1.5. Đánh giá chung về tài nguyên du lịch tự nhiên

Tài nguyên tự nhiên đa dạng và phong phú của Hải Phòng được hình thành từ các tố chất như địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, động vật, thực vật. . . với tài nguyên thiên nhiên đa dạng này, Hải Phòng sẽ là nơi có khả năng phát triển nhiều loại hình du lịch như : du lịch sinh thái, thể thao, nghỉ dưỡng , tắm biển tham quan. . . tài nguyên du lịch tự nhiên của Hải Phòng tập trung chủ yếu ở dải biển Đồ Sơn và khu vực Cát Bà. Vì vậy, việc đầu tư khai thác tương đối thuận lợi. Trong chiến lược phát triển vùng du lịch Bắc Bộ, tuyến du lịch Đồ Sơn - Cát Bà - Hạ Long được hình thành trên cơ sở khai thác tài nguyên du lịch ở khu vực này, sẽ là tuyến du lịch có ý nghĩa đặc biệt quan trọng góp phần tích cực vào sự phát triển của du lịch Hải Phòng. Việc khai thác tài nguyên du lịch tự nhiên ở Hải Phòng hiện nay là bất hợp lý, các khu rừng và đồi núi ở Đồ Sơn, An Lão, Kiến An, Thủy Nguyên. . . trong đó có những khu rừng nhỏ trên núi đá vôi bị khai thác kiệt quệ, làm gia tăng quá trình xói mòn đất, làm hại môi trường và cảnh quan. Tại Vườn quốc gia Cát Bà trừ khu rừng núi hiểm trở rộng khoảng 570 ha ở phía đông, hệ thực vật cũng bị khai thác nhiều, chỉ còn lại những lớp thực bì thưa thớt, các thảm rừng ngập mặn cũng bị khai thác bừa bãi do hoạt động khai hoang lấn biển. Cùng với sự biến đổi của những lớp phủ thực vật, hệ động vật cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Đối với nhiều loài động vật trên cạn cũng như dưới biển, số lượng cá thể giảm nhanh thậm chí một số loài dường như bị tuyệt diệt.

2.1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn

2.1.2.1. Các di tích lịch sử văn hóa

Có thể nói các di tích lịch sử ở Hải Phòng có giá trị cao đối với hoạt động phát triển du lịch, do vậy cần tổ chức quản lý và khai thác một cách hợp lý để có thể phát huy được giá trị của loại tài nguyên du lịch nhân văn này.

Hải Phòng là thành phố có nhiều di tích lịch sử văn hóa. Theo thống kê trên địa bàn có khoảng trên 400 di tích, như vậy Hải Phòng là một trong 7 thành phố có mật độ di tích cao, các di tích tập trung chủ yếu ở An Dương, Vĩnh Bảo và Thủy Nguyên. Tính đến tháng 5 năm 1999, toàn thành phố có 91 di tích lịch sử văn hóa được bộ văn hóa thông tin xếp hạng quốc gia.

Trên đường xuống phía Nam ta có thể thăm một số di tích, đặc biệt là mảnh đất Vĩnh Bảo, mảnh đất của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm - một con người có cốt cách và tài danh đã trở thành huyền thoại để thờ ông suốt 700 năm chưa một ngày nguội lạnh khói hương của dân gian. Đến đây bạn sẽ thấy những mái ngói rêu phong, những nét cong của mái đình An Quý, Nhân Mục, Quán Khoái . . . chúng không những có giá trị về mặt lịch sử mà còn là những tác phẩm có kiến trúc nghệ thuật độc đáo.

Về danh thắng phải kể đến Núi Voi - huyện An Lão, đứng soi bóng xuống dòng Lạch Tray không chỉ là một danh thắng, đây còn là một địa danh gắn với nhiều huyền thoại lịch sử về vương triều Mạc, về Phan Bá Vành, về nghĩa quân Cử Bình về đội du kích Núi Voi.

Từ phía Nam chuyển lên phía Bắc qua cầu Bính là vùng đất Thủy Nguyên giàu đẹp cả về thiên nhiên lẫn nhân văn. Mảnh đất gắn liền với sự kiện oanh liệt của đất nước. Nhiều di tích đã trở thành niềm khao khát cho du khách và những nhà nghiên cứu như: đình Kiền Bái, đình Đồng Lý, đền thờ Trần Quốc Bảo . . . Đặc biệt các khu di tích lại nằm cạnh khu danh lam thắng cảnh nổi tiếng được mệnh danh là Hạ Long cận tạo thành điểm du lịch hấp dẫn của Thủy Nguyên nói riêng và Hải Phòng nói chung. Khu vực nội thành Hải Phòng cũng có nhiều di tích, đáng chú ý là những điểm tham quan hấp dẫn như đình Hàng Kênh, đền Ghè, Nhà hát thành phố, quán hoa . . .

Quận Đồ Sơn là mảnh đất của huyền thoại cả trong quá khứ và hiện tại. Quá khứ có huyền thoại 6 vị tiên công khai sáng lập ra Đồ Sơn, có huyền thoại đền Bà Đẻ, có chiến thắng huyền thoại của dòng sông Bạch Đằng năm 1228. Một số di tích của Đồ Sơn có sức hấp dẫn du khách rất lớn như tháp Tường Long nằm chót vót trên đỉnh núi hay đền Bà Đẻ nằm ở dưới chân núi. Như vậy có thể nói di tích lịch sử hải phòng có giá trị cao đối với hoạt động du lịch. Vấn đề các cấp chính quyền, nhân dân địa phương biết quản lý, bảo vệ và khai thác chúng một cách hợp lý để phát huy những giá trị mà mình có .

Bảng di tích của thành phố

STT	Tên quận, huyện	Diện tích (km ²)	Số lượng di tích	Mật độ di tích	Công nhận
1	Hồng Bàng	7,68	5	0.65	2
2	Ngô Quyền	12,17	15	1.32	1
3	Lê Chân	4,42	11	2.48	4
4	Kiến An	38,05	9	0.23	2
5	Đồ Sơn	13,54	10	0.73	
6	An Lão	105,37	61	0.57	3
7	An Hải	168,17	78	0.46	21
8	Cát Hải	258,33	15	0.05	
9	Kiến Thụy	158,48	41	0.25	9
10	Tiên Lãng	176,74	29	0.16	4
11	Thủy Nguyên	249,21	77	0.30	21
12	Vĩnh Bảo	189,41	110	0.58	15
13	Bạch Long Vĩ	3,0			
	Cộng	1.411.77	461	6.75	82

Nguồn: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Hải Phòng.

2.1.2.2. Các lễ hội truyền thống

- Hội vật:

Lễ hội vật cầu Kim Sơn: Tương truyền, vật cầu vốn là môn thể thao do tướng Phạm Ngũ Lão (đời Trần) đặt ra để rèn luyện quân sỹ. Sau khi chiến thắng quân Nguyên trở về, tướng quân Phạm Ngũ Lão cùng quân sỹ đã dùng củ chuối hội

làm quả cầu và chơi trò vật cầu để rèn luyện quân sĩ. Và từ đó, dân làng lấy trò chơi này để đưa vào trò chơi đầu năm để đón xuân mới, lâu ngày trở thành lễ hội vật cầu truyền thống của Kim Sơn. Lễ hội vật cầu thường tổ chức vào ngày 6 tháng Giêng tại sân đình.

Ngay từ sáng ngày 30 tết, 3 giáp và nhân dân trong làng đã nô nức chuẩn bị làm cổng chào. Cổng chào được làm bằng tre quấn rom và viết câu đối 'Kiến như đại tân, anh hùng trần lực, vật ngã giai xuân' (tạm dịch: Ngày gặp gỡ lớn, toàn sức vật cầu, quyết giành phần thắng). Tối 30 tết cả làng ra đình làng để tế thành hoàng làng.

Trong làng có 24 dòng họ và được chia làm 3 giáp: Giáp Đượng, giáp Nam và giáp Bắc, mỗi giáp 8 dòng họ. Mỗi giáp phải chọn cho giáp mình 6 người trong đó có 1 ông làm tổng cờ mặc võ phục đầu chít khăn, chân quấn xà cạp, tay cầm cờ đuôi nheo chỉ huy giành giật cầu và 5 đô vật. Đô vật phải là những thanh niên khoẻ mạnh và chưa lập gia đình. Mỗi một giáp phải dựng 1 cổng chào biểu tượng cho giáp của mình (giáp áo đỏ, giáp áo vàng, giáp áo xanh)

Quả cầu được làm bằng củ chuối hột nặng 20 kg, củ chuối hột phải già và lâu năm và phải do ông trưởng làng đi tìm, đào mang về đảm bảo tươi, nhẵn, trơn, cỡ bằng cái thúng khảo (đường kính 30 - 40cm). Quả cầu được bọc giấy hồng điều có gắn hình tứ linh: Long, Ly, Qui, Phượng. Sau khi trang trí xong thì được đặt trên mâm bông trong kiệu để ở án thờ trong đình làng .

Sới vật cầu trên sân đình có hình con nhạn bằng cát đen. Lỗ cầu cái đào ở giữa sân chính rón con nhạn có đường kính khoảng 1 mét, sâu chừng 0,7m, ba góc sân có 3 lỗ cầu quân nhỏ hơn.

Chiều ngày 5 tết âm lịch, nhân dân và Ban tổ chức lễ hội tổ chức tế Thành hoàng và tế quả cầu. Sáng mùng 6 tết, từ 7 giờ, các già làng đã tổ chức làm lễ rước cầu từ trong đình ra ngoài sân đình và ban lộc cho các giai vật cầu. Đúng giờ Thìn (10 giờ sáng) người ta rước kiệu ra đình. Đoàn rước cầu gồm: kiệu rước ảnh Bác Hồ, đoàn cờ hội, bát âm, bát biểu, quả cầu biểu tượng, quả cầu vật, đoàn tế nam, tế nữ, tổ múa cờ, múa rồng, tổ trọng tài, sau đó mới là đoàn giai vật cầu.

Quả cầu được đặt vào lỗ cái. Sau tiếng 'cắc' trống vang lên; cuộc vật bắt đầu.

Vào cuộc, giai cầu nhảy xuống lỗ cầu cái tung lên, quả cầu tròn nhẵn lại rắn nặng khó bấu khiến các đội tranh giành đến là hào hứng. Có lúc cầu được cả 30 chục cánh tay dang lên cao, khi lại lăn lông lốc kéo cả 15 giai cầu đổ xuống. Cả chục chàng trai lăn xả vào quả cầu tranh giành, mong đưa về được sân nhà. Nắng xuân hanh vàng. Mưa xuân lất phất. Quả cầu trơn đẫm nước, đẫm nhựa và tẩm bùn. Còn các chàng trai thì nhể nhại mồ hôi, cơ bắp nổi lên cuộn cuộn. Tất cả chìm trong tiếng trống thúc, tiếng người hò reo không ngớt...

Thi vật gồm 3 hiệp, mỗi hiệp 3 phút. Khi giáp nào thắng cuộc (đưa được nhiều số lần quả cầu về sân mình nhất), tiếng hò reo lại vang dậy như sấm. Kết hội, quả cầu được ném xuống hồ bán nguyệt trước cửa đình. Người dự hội thường ào xuống tranh giành lấy một miếng về ăn lấy 'phước' của thần làng.

Vật cầu Kim Sơn quả là một lễ hội đặc sắc, mỗi năm lôi cuốn hàng ngàn du khách vào cuộc vui ồn ã, bất tận.

- Hội bơi thuyền

Hội bơi thuyền là một hoạt động vui chơi gắn liền với lễ hội mùa xuân và nghi lễ nông nghiệp của cư dân, hội thường tổ chức ở nhiều xã như: Lôi Động, Minh Tân (huyện Thủy Nguyên), Ngõ Dương (An Hải), Đoàn Lập (Tiên Lãng), Cát Bà, Đồ Sơn.

Hội bơi thuyền diễn ra rất sôi nổi hào hứng thể hiện tinh thần đoàn kết của người dân dùng sức mạnh của tập thể, cộng đồng để chiến thắng lũ lụt, kẻ thù xâm lược.

- Hội chơi đu

Hội chơi đu là một thú vui phổ biến của nhiều địa phương, đặc biệt là hội chơi đu ở Thủy Nguyên. Hội diễn ra thu hút rất nhiều nam thanh nữ tú tham gia. Chiếc đu được dựng lên ở giữa sân làng và mọi người đứng xung quanh thành một vòng tròn. Từng đôi một hoặc là một nam hay hai nữ đứng lên trên đu, hai người cứ lần lượt lấy đà nhún xuống để sợi dây đu bật sang bên nọ rồi bật sang bên kia. Cứ lần lượt đôi này xuống rồi đôi khác lại lên. Hội diễn ra thật vui vẻ, náo nhiệt.

- Hội hát đúm

Đã từ lâu, cứ vào ngày mùng 4 đến ngày mùng 10 tháng giêng âm lịch hàng năm, Tổng Phục lại mở Hội làng. Hội làng đầu xuân có rất nhiều cuộc thi: Thi cỗ bánh, thi dệtửi, thi đánh đu, đánh vật, đánh cờ...nhưng cuốn hút nhất vẫn là thi hát Đúm. Đây là lễ hội có truyền thống từ xa xưa và được duy trì đến tận hôm nay trong niềm đam mê không chỉ của các nghệ nhân có tuổi, mà cả ở tầng lớp thanh, thiếu niên.

Theo truyền thống, ngày bắt đầu của hội hát đúm đồng thời cũng là ngày những cô gái của Tổng Phục bỏ chiếc khăn mỏ quạ bịt mặt trong suốt cả năm. Vì thế, hội hát đúm ngày xuân cũng còn là ngày hội mở mặt. Trong những ngày này, các chàng trai, cô gái Tổng Phục (trước đây, ba xã Phục Lễ, Phả Lễ và Lập Lễ thuộc Tổng Phục) thường tập trung để hát đúm tại đình Phục Lễ, một trong những ngôi đình lớn.

Hát đúm cũng có thể diễn ra ở trên đường đi, ngoài cánh đồng khi các tốp trai thanh, gái lịch trong những bộ quần áo truyền thống ngày hội gặp nhau. Họ nắm tay nhau say sưa hát đối những làn điệu giao duyên thể hiện khát vọng về tình yêu đôi lứa thông qua nhiều câu hát ví von mang đậm chất dân gian của vùng quê.

Bài bản của hát đúm rất phong phú. Đầu tiên, khi mới gặp nhau là những câu hát chào, những câu hát mừng. Tiếp sau đó có thể là hát hỏi, hát đố, hát họa, hát huê tình, hát cưới... và cuối cùng là hát ra về.

Hát đúm kéo dài từ sáng tới trưa, từ trưa tới tối. Giữa các canh hát, các cô mời trầu nước, tặng vật kỷ niệm cho các chàng để tỏ lòng mến mộ. Chiều, các cô mời các chàng về nhà mình ăn bữa cơm đầu xuân để biết nhà cửa và có sức tiếp tục hát tới khuya. Cứ như vậy, ngày này qua ngày khác, cuộc hát đúm kéo dài đến Mùng 10. Qua những buổi hát, nhiều đôi đã kết nhau để cuối năm nên duyên chồng vợ.

Bởi có tục lệ ấy mà các cô gái ở đây cô nào cũng thuộc một số bài hát ví để đi hội gặp các chàng trai mời hát mà mở khăn đối đáp. Hát ví thường chỉ dựa vào hai thể thơ lục bát và song thất lục bát. Tuy không nhiều làn điệu, nhưng lại rất phong phú về đề tài, đòi hỏi người hát phải rất giỏi về đối đáp.

Trong ngày hội “Hát đúm”, tại sân chùa Phục Lễ, nhiều bàn hát đúm mọc

lên, mỗi bàn kê hai bộ tràng kỷ đối diện nhau. Giữa bàn để nhiều hộp trà và khăn tay thêu cảnh hồng (tặng phẩm). Một bên trai, một bên gái ngồi hai bên dãy tràng kỷ. Mặt nhìn mặt, tay cầm tay. Thường thì cả hai bên trai gái vào hát đều di động để nếu nhớ một anh hát bí hay bị hỏi, đố, lúng túng không trả lời được thì ra hiệu cho anh kia hát đỡ, gỡ bí cho. Khi hát có nhạc bát âm. Hai bên trai gái đối đáp. Bên nào không đối đáp được là thua. Đây là một hình thức thử tài văn chương, kiến thức của nhau, ước lời yêu đương "tìm hiểu" bằng nghệ thuật, phải thuộc lòng tục ngữ, truyện tích.

Hát đúm vui nhất là hôm hát giã đám. Lúc này họ trao giữ kỷ vật cho nhau, nắn ná đến tận khuya, mà đưa ra toàn những bài hát hay, mới nhất từ nỗi lòng sâu kín của họ. Hôm đó hai bên ít hát đối đáp mà toàn những bài trữ tình, băng khuâng, lưu luyến... Những yêu đương, thương nhớ, những xa cách, chia ly, những hứa hẹn, đợi chờ và hy vọng... Họ mong đợi mùa hội sau, để lại được say đắm trong tiếng hát của nhau.

Vào những ngày xuân, hát đúm như trỗi dậy một sức sống mới vốn tiềm ẩn từ lâu trong tâm trí và tấm lòng của những người con quê hương hát đúm. Các chàng trai, cô gái vẫn duyên dáng, say sưa trong những làn điệu hát đúm ngày xuân. Hát đúm cũng như một số hình thái sinh hoạt văn hóa dân gian khác đã phải trải qua những bước thăng trầm. Vậy mà, sức sống lâu bền, mãnh liệt của nó vẫn còn đến ngày hôm nay.

- Hội chọi trâu

Là một lễ hội truyền thống của người dân Đồ Sơn, Hải Phòng diễn ra vào ngày 9 tháng 8 âm lịch hàng năm. Sự hình thành khó xác định, lễ chọi trâu là mỹ tục hào hùng mang đậm tính thượng võ, tính táo bạo và lòng quả cảm rất độc đáo. Thường là lễ tế thần vị thủy thần thường diễn ra. Để chuẩn bị người ta lựa chọn rất công phu trong khoảng một năm. Điều quan trọng là việc tìm và nuôi dưỡng trâu. Thông thường, sau Tết Nguyên đán, các sới chọi đều cử người có nhiều kinh nghiệm đi khắp nơi để mua trâu, có khi họ phải lặn lội hàng tháng trời vào các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Nam Định, Thái Bình, thậm chí lên tận Tuyên Quang, Bắc Cạn... mới tìm được con trâu vừa ý. Việc chuẩn bị cho lễ hội này thật là công phu,

phải chọn mua, nuôi và luyện trâu. Trâu chọi phải là " ức rộng, háng to, cổ cò, đuôi trai, đít nhọn, sừng cánh cung, trường đuôi...", trâu từ 4 đến 5 năm tuổi trở lên. Trâu chọi được nuôi ở chuồng riêng, không tiếp xúc với trâu thường. Trâu phải là những con trâu đực khỏe mạnh, da đồng, lông mọc, một khoang bốn khoáy, hàm đen, tóc tráp (lông trên đầu cứng, dày để tránh nắng), có ức rộng, cổ tròn dài và hơi thu nhỏ về phía đầu, lưng càng dày, càng phẳng có khả năng chống chịu được đòn của đối phương.... là trâu gan. Háng trâu phải rộng nhưng thu nhỏ về phía hậu càng nhọn càng quý. Sừng trâu phải đen như mun, đầu sừng vênh lên như hai cánh cung, giữa hai sừng có túm tóc hình chóp trên đỉnh đầu là khoáy tròn. Mắt trâu phải đen, tròng đỏ.

Lễ hội chọi trâu cũng như nhiều lễ hội khác có hai phần, phần lễ và phần hội đan xen. Từ ngày mừng một đầu tháng, các vị cao niên trong làng đã ra làm lễ tế thần Diêm Tước ở đình Tổng. Lúc này, các làng có trâu chọi đều phải ra làm lễ. Sau đó là lễ rước nước (có gắn với tục tế Thủy Thần). Lọ nước thần mỗi năm thay một lần được từng làng (phường) mang về đình riêng. Tại đình làng, các chủ trâu được cho trâu ra làm lễ Thành Hoàng. Sau khi làm lễ thần, trâu chọi đã chính thức được gọi là "Ông Trâu", là biểu tượng của tâm linh, là niềm tin, và là ước vọng của người dân nơi đây. Sáng ngày chính hội, 9/8 âm lịch, dân cư trong phường đều kéo ra đình. Từ đây, lễ rước các "Ông Trâu" ra sôi đấu với kiệu bát cống, long đình bát biểu, cờ thần bay phấp phới, rộn rã trong tiếng nhạc bát âm.

Phần hội diễn ra vào chính hội (9/8) với nhiều hoạt động mang đậm bản sắc dân tộc. Điệu múa khai hội được 24 tráng niên của làng chia thành hai hàng trình diễn vừa uyển chuyển, vừa mạnh mẽ, màu sắc biến hoá linh hoạt và huyền ảo trong những âm thanh của trống, thanh la. Theo cách nói của các lão làng, tiếng trống, tiếng thanh la có tác dụng tạo không khí trong sân bãi thúc giục các "ông trâu" thi đấu thêm phần quyết liệt. Với màn múa cờ, những lá cờ vung lên quật xuống mạnh mẽ, dứt khoát, nhịp nhàng, có lúc đan chéo vào nhau như hai đội quân đang giao chiến, thể hiện sự dũng cảm của con người chống chọi với biển khơi.

Đúng 8 giờ, tiếng trống, tiếng chiêng khai hội, dịch loa gọi các " Ông Trâu" vào trận vang lên. Từ hai cổng bắc - nam của sôi đấu, từng đôi trâu được dắt ra

đứng dưới chân cột cờ Ngũ Phụng (ở hai bên). Hiệu lệnh phát ra thì hai trâu từ hai phía di chuyển lại gần nhau hơn, cách nhau chừng 20 m. Hiệu lệnh tiếp theo người dắt trâu đột nhiên rút dây mũi, hai trâu liền lao vào nhau bắt đầu trận so tài.

Khi đã phân thắng bại, cảnh "Thu trâu" cũng diễn ra vô cùng hấp dẫn bắt bằng được con thắng để phải thi đấu xếp loại, phân ngôi nhất nhì...

Theo quan niệm cổ xưa, nếu trâu làng nào thắng trận trong lễ hội, năm ấy cả làng sẽ gặp nhiều may mắn, mưa thuận gió hoà, mọi người bình yên trong suốt hành trình đi biển. Và đặc biệt hơn nữa là cho dù thắng hay thua, sau khi kết thúc lễ hội, các trâu đều được mổ thịt tế lễ trời đất, cầu mùa màng thuận hoà. Người ta cũng tin rằng, nếu được ăn thịt trâu chọi trong dịp lễ hội, sẽ gặp nhiều điều may mắn.

Lễ hội chọi trâu mang đậm nét văn hoá tâm linh của người dân miền biển góp phần tạo nên phong cách rất riêng cho một vùng duyên hải. Hội chọi trâu là một ngày hội gắn với tục thờ cúng thuỷ thần và tục hiến sinh; nhưng bên cạnh những tập tục đó là tinh thần thượng võ của người dân Đồ Sơn, Hải Phòng

Năm 1990, Lễ hội chọi trâu Đồ Sơn được khôi phục lại và được Nhà nước xác định là 1 trong 15 lễ hội quốc gia, bởi lễ hội này không chỉ có giá trị văn hoá, tín ngưỡng, độc đáo mà còn là điểm du lịch hấp dẫn với mọi người.

Hiện nay, Lễ hội chọi trâu Đồ Sơn vẫn mang đậm bản sắc và đầy đủ các nghi thức truyền thống dân gian: Rước kiệu và long đình, bát biểu; hành lễ tế thành hoàng làng, dùng trang phục cổ và nhạc cụ dân tộc, tặng thưởng cao chủ trâu và trâu thắng trong trận cuối cùng đoạt ngôi vô địch. Tuy nhiên, cũng có những cải biến nhằm thích ứng với hoàn cảnh mới.

Sự phục hồi lễ hội chọi trâu Đồ Sơn là một việc làm đáp ứng nguyện vọng của nhân dân. Chân hưng lễ hội này với những đặc điểm vốn có của nó sẽ góp phần thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Lễ hội Đền Trạng Trình

Lễ hội Đền Trạng Trình được tổ chức thường niên tại Hải Phòng nhằm tưởng nhớ đến công đức, thân thể và sự nghiệp của danh nhân văn hóa Nguyễn Bình Khiêm - người tài cao, đức trọng, bậc hiền triết, uyên thâm mẫu mực của thời nhà Mạc (thế kỷ XVI).

Nguyễn Bình Khiêm (1491 - 1585), húy là Văn Đạt, tự Hanh Phủ. Học trò ông có nhiều người nổi tiếng như Phùng Khắc Khoan, Nguyễn Dữ... Trong khi ở ẩn, Vua Mạc cũng như các chúa Trịnh, Nguyễn có việc hệ trọng vẫn cho người đến hỏi ý ông. Ông thường kín đáo khuyên Vua cố gắng tránh chiến tranh để nhân dân khỏi chết chóc. Lúc mất, ông được truy phong tước Trình Quốc công, do đó mà có tên gọi là Trạng Trình. Cuộc đời của ông là tấm gương trong sáng, trung thành với đạo học yêu nước, thương dân, căm ghét quan lại nhũng nhiễu, hết lòng phụng sự nhân dân

Lễ hội Đền Trạng Trình năm nay sẽ diễn ra trong 3 ngày từ 1- 3/1/2011 tại hai địa điểm: Khu Di tích Đền thờ Trạng Trình (thôn Trung Am, xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo) và Từ đường họ Nhữ - Nguyễn (xã Kiến Thiết, huyện Tiên Lãng). Lễ hội gồm nhiều hoạt động văn hóa đa dạng. Phần lễ gồm lễ rước, lễ dâng hương, đọc diễn văn tưởng nhớ Trạng trình Nguyễn Bình Khiêm. Bên cạnh đó là các hoạt động thể thao văn nghệ như: hội thi thư pháp, hội thi vật, giải đua thuyền cùng nhiều hoạt động, trò chơi dân gian truyền thống. Ngoài ra, lễ hội còn có các hoạt động ca múa nhạc, văn nghệ.

Trong khuôn khổ lễ hội có nhiều hoạt động đa dạng như: lễ dâng hương, đọc chúc văn và diễn ca nghệ thuật kỷ niệm; triển lãm trưng bày tư liệu giới thiệu về thân thể, sự nghiệp của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm; hội thi thư pháp; giải vật dân tộc; diễu hành mô tô, xe đạp hành hương về quê Trạng Trình... cùng các trò chơi dân gian độc đáo như đánh gậy, chọi gà, cờ người, thi thả diều, pháo đất.... Bên cạnh đó còn có các chương trình: Liên hoan ca múa nhạc các làng văn hóa; Lễ khánh thành công trình tôn tạo từ đường họ Nhữ - Nguyễn và khởi công tu bổ, phục dựng khuôn viên khu Mả Nghè thuộc huyện Tiên Lãng cùng một số hoạt động văn hóa, văn nghệ tại huyện Vĩnh Bảo.

Trong những năm gần đây, lễ hội đền Trạng được mở rộng hơn đã thu hút

nhieu du khách trong và ngoài nước đến tham dự. Nếu có dịp đến Hải Phòng và tham gia lễ hội, chắc chắn bạn sẽ có những ấn tượng đẹp về lễ hội với những sắc màu văn hóa đặc sắc này.

- Lễ hội núi Voi

Như thông lệ hàng năm, Lễ hội truyền thống núi Voi (huyện An Lão) thành phố Hải Phòng diễn ra tung bừng và mang đậm bản sắc văn hóa của người dân miền biển vào các ngày 12, 13 và 14-2 (tức ngày 15, 16, 17 tháng Giêng năm Bính Tuất). Đây là dịp để du khách được tìm hiểu về vùng đất có bề dày lịch sử và tham gia các hoạt động văn hoá độc đáo.

Cách trung tâm thành phố Hải Phòng 18 km, xuôi theo quốc lộ 10 về phía Nam, núi Voi mang dáng hình một con voi khổng lồ nằm soi mình bên dòng sông Lạch Tray thơ mộng và chứa đựng biết bao điều kỳ thú. Núi Voi là khu núi đá vôi, trải qua hàng nghìn năm lịch sử, vẫn còn vẹn nguyên những hang động, như: Họng Voi, Già Vị, Bạch Tuyết, Long Tiên, Nam Tào, Bắc Đầu, bàn cờ tiên... kỳ bí, lung linh bởi những thạch nhũ muôn sắc màu. Nơi đây, còn lưu giữ những di chỉ khảo cổ, những di vật lịch sử mang dấu vết người xưa của nền văn hoá Đông Sơn thời các vua Hùng dựng nước, cùng những truyền thuyết bí ẩn và hấp dẫn. Núi Voi từ xưa đã gắn liền với lịch sử hưng suy của nhà Mạc như: Dấu tích sông Đào, Cây đèn Rạng Lái. Vàm chúa Cả, Vàm chúa Hai, Hồ nhà Mạc, Đầu đong quân. Trong suốt những năm kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Núi Voi đã trở thành huyền thoại với hình ảnh "những cô gái dân quân treo mình bên vách đá, lưng chừng trời ngắm bắn máy bay rơi"...

Nhiều hoạt động của lễ hội đã tái hiện một thời hào hùng của vùng đất An Lão, như: biểu diễn trống hội, diễn tích tuồng Hào khí núi Voi, nghi lễ tế ở đền thờ nữ tướng Lê Chân, chùa Chi Lai... Trong dòng người kéo về dự lễ hội, bà Nguyễn Thị Nhâm, 70 tuổi, hiện đang sống cùng con cháu tại Hà Nội, tâm sự “tuy rằng sống xa quê, nhưng năm nào cũng vậy, cứ vào dịp này tôi lại về quê thăm quê và đi hội núi Voi. Đến đây, tôi như tìm lại được thời tuổi trẻ của mình”. Còn cô sinh viên trường Đại học Hải Phòng tên Nguyễn Hồng Hạnh và nhóm bạn vui vẻ “chúng tôi đến với lễ hội núi Voi vừa du xuân và hiểu thêm về truyền thống lịch sử

quê hương...” Những hoạt động văn hoá, trò vui dân gian là nội dung chủ đạo của lễ hội. Chương trình liên hoan ca múa nhạc với sự tham gia của người dân các xã trong huyện là sự tổng hoà của nhiều nét sinh hoạt văn hoá dân gian mang đậm hồn quê xứ sở. Làng Cát Tiên mang đến lễ hội những điệu chèo, làng Câu Đông (xã Quang Trung) có điệu tuồng đặc sắc, xã Thái Sơn có Câu lạc bộ Cải lương đã giành được nhiều giải thưởng trong các kỳ liên hoan văn nghệ toàn thành...Ngoài ra, còn có sự tham gia của các đội văn nghệ, đoàn nghệ thuật chuyên và không chuyên trong, ngoài thành phố, góp phần làm phong phú Lễ hội.

Hoạt động thể thao thể hiện sự gắn kết hài hòa giữa hiện đại với truyền thống. Sôi động và hồi hộp là giải vật truyền thống thành phố lần thứ 14 tranh Cúp Báo Hải Phòng (diễn ra từ 12 đến 14-2-2006). Từ lâu, huyện An Lão có nhiều sỏi vật nổi tiếng, đào tạo nhiều vận động viên có tên tuổi trong làng vật quốc gia. Lôi cuốn, hấp dẫn không kém là giải bóng chuyền hội núi Voi với sự tham gia của 17 xã, thị trấn, Cục hậu cần Hải quân, cùng các trò chơi dân gian như cờ tướng, chơi gà... Thiết thực chào mừng 75 năm thành lập Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, tuổi trẻ huyện đã khai mạc hội trại, đốt lửa trại, liên hoan văn nghệ xung kích, thả đèn trời...Cùng với những giá trị lịch sử và văn hoá của khu di tích Núi Voi, du khách sẽ được thưởng thức các sản vật, món ăn nổi tiếng mang đậm hương vị quê hương như: chè Chi Lai, khoai Tiên Hội, dê núi...Thật thú vị khi vừa được thưởng thức thú vui ẩm thực lại được nghe những làn điệu chèo, ca trù, hát đúm, hát tuồng...muợt mà, đắm thắm, đậm chất dân ca.

Núi Voi đã, đang và sẽ trở thành điểm đến hấp dẫn của du khách trong và ngoài nước. Hy vọng, trong tương lai gần, tranh thủ sự hỗ trợ của thành phố, An Lão tiếp tục phát huy tiềm năng, lợi thế của mình, đưa khu danh thắng Núi Voi trở thành một vùng du lịch sinh thái đầy hấp dẫn nằm trong vòng cung du lịch Núi Voi - Đồ Sơn - Cát Bà và tuyến du khảo đồng quê Núi Voi - Tiên Lãng - Vĩnh Bảo nổi tiếng của Hải Phòng.

Như thông lệ hàng năm, Lễ hội truyền thống núi Voi (huyện An Lão) thành phố Hải Phòng diễn ra tung bừng và mang đậm bản sắc văn hóa của người dân miền biển vào các ngày 12, 13 và 14 - 2 (tức ngày 15, 16, 17 tháng Giêng năm Bính Tuất). Đây là dịp để du khách được tìm hiểu về vùng đất có bề dày lịch sử và

tham gia các hoạt động văn hoá độc đáo. Lễ hội Kỳ Yên được tổ chức hằng năm vào các ngày 15, 16, 17 âm lịch (tháng tổ chức phụ thuộc từng địa phương) khắp các đình làng Nam Bộ.

Nhiều hoạt động của lễ hội đã tái hiện một thời hào hùng của vùng đất An Lão, như: biểu diễn trống hội, diễn tích tuồng Hào khí núi Voi, nghi lễ tế ở đền thờ nữ tướng Lê Chân, chùa Chi Lai...

2.1.2.3. Các làng nghề truyền thống

Hải Phòng là một mảnh đất cổ, con người đã xuất hiện ở mảnh đất này rất lâu đời từ nhiều nơi khác du nhập đến ven biển để sinh sống và lập nghiệp. Mới đầu chỉ là những hộ gia đình tự làm ra sản phẩm để phục vụ đời sống cho nhân dân, dần dà hình thành nên những làng nghề khác nhau chế tạo ra những sản phẩm khác nhau. Cho đến bây giờ một số làng nghề truyền thống của Hải Phòng vẫn giữ được nghề truyền thống của cha ông để lại như thêu, dệt, làm gốm, tạc tượng, đúc gang, đúc đồng. . . ban đầu con người làm ra để phục vụ đời sống nhân dân, sau đó trong số những người làm nghề đã xuất hiện một số nghệ nhân sáng tạo nên một số tác phẩm độc đáo mang tính nghệ thuật. Bởi vậy Hải Phòng trở thành đất nhà nghề nổi tiếng. Những sản phẩm nổi tiếng đã gắn liền với các địa danh như thảm len hàng kênh, dệt vải cổ am, điêu khắc đồng minh, gốm dưỡng đồng . . . là những vốn quý của Hải Phòng trong phát triển du lịch , nhưng đặc sắc nhất là nghề đúc đồng ở xã Mỹ Đông - huyện Thủy Nguyên. Mỹ Đông - phố nghề đổ lửa.Không chỉ nổi tiếng khắp cả nước với nghề đúc truyền thống, Mỹ Đông còn là điểm sáng của huyện Thủy Nguyên trong xây dựng nông thôn mới theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Theo Bí thư Đảng ủy, kiêm Chủ tịch UBND xã Mỹ Đông Nguyễn Văn Huy, 10 tháng năm 2010, giá trị ngành tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ toàn xã đạt hơn 500 tỷ đồng, tăng 50% so với cùng kỳ năm 2009.

Phố nghề Mỹ Đông luôn đổ lửa tạo sức sống mới cho cả một vùng quê phía Tây Bắc Thủy Nguyên. Từ một địa phương nghèo, kinh tế kém phát triển, những năm gần đây, Mỹ Đông từng bước vươn lên, trở thành lá cờ đầu của huyện Thủy Nguyên trong phát triển kinh tế, xây dựng làng nghề truyền thống. Người dân Mỹ

Đồng hôm nay kế thừa, sáng tạo, đưa nghề đúc kim loại thành ngành kinh tế chính của địa phương. Mức tăng trưởng kinh tế bình quân của xã đạt khá cao trong khối xã, thị trấn của Thủy Nguyên (15-20%/năm), trong đó thu nhập từ tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ chiếm 95%. Những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ trước, cả xã có khoảng 10 hộ dân đúc gang, đồng, nhôm, quy mô nhà xưởng nhỏ bé, nay, toàn xã có gần 100 hộ đúc gang, 15 hộ đúc đồng, hàng chục xưởng cơ khí, rèn, dịch vụ đi kèm.

Bí thư Đảng ủy xã Mỹ Đồng Nguyễn Văn Huy cho biết: Xã phát triển làng nghề theo hướng đa dạng, nhưng lấy nghề đúc, cơ khí làm chủ đạo. Với sự chỉ đạo kịp thời của xã, sự năng động của người dân làng nghề mà sản phẩm của Mỹ Đồng có mặt tại các thị trường trong nước, nước ngoài. Các sản phẩm trang trí hoa văn, bếp nướng, nắp ga, cột đèn bằng gang đúc được chủ công trình xây dựng ưa dùng, xuất khẩu sang các nước... Nhiều mặt hàng đúc, cơ khí đạt chất lượng cao cung cấp cho ngành đóng tàu, lắp ráp xe máy, cơ khí chính xác như chân vịt tàu thủy, bạc biên, tăng bua, vỏ mô-tơ điện, máy bơm, chân máy khâu, khung xe máy. Những năm gần đây, sản lượng ngành đúc đạt hơn 20 nghìn tấn/ năm, giá trị sản xuất đạt khoảng 500 tỷ đồng, thu hút gần 3000 lao động địa phương và các nơi. Thu nhập của người lao động 2,5-3 triệu đồng/ người/ tháng.

Các làng nghề truyền thống có tiềm năng to lớn trong việc khai thác phát triển du lịch, là nơi sáng tạo ra các sản phẩm thủ công truyền thống độc đáo mang tính nghệ thuật và thẩm mỹ cao có sức thu hút khách du lịch quốc tế. Tuy nhiên, do sự phát triển của kinh tế nhiều ngành nghề thủ công truyền thống đã và đang bị mai một đi, đòi hỏi thành phố phải có các biện pháp giữ gìn, bảo tồn và khôi phục các làng nghề truyền thống trở thành điểm tham quan du lịch hấp dẫn và cung cấp sản phẩm đặc tr- ng cho phát triển du lịch nhân văn tại Hải Phòng.

2.1.3. Cư dân

Địa danh Hải Phòng mới chỉ xuất hiện cách đây trên 100 năm. Tuy nhiên từ xa xưa, tại mảnh đất này đã có cư dân sinh sống. Những kết quả nghiên cứu khảo cổ học tại di chỉ Cái Bèo (Cát Bà) đã cho thấy dấu vết cư trú của người cổ xưa tồn tại cách đây khoảng 6000 năm. Hải phòng có nhiều địa điểm mang dấu ấn của nền văn hóa Đông Sơn - một nền văn hóa của thời đại kim khí, đồng thau. Từ đó đến

nay cùng với lịch sử cộng đồng của cư dân Hải Phòng cũng không ngừng biến động và phát triển. Dân số Hải Phòng hiện nay đã hơn 1,8 triệu người, chiếm gần 2,5% dân số cả nước, mật độ dân số trung bình là 1.075 người/km². Như vậy, mật độ dân số của Hải Phòng khá đông đúc thứ tư trong các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ sau Hải Dương, Hưng Yên, Thái bình, Hà Nội. Trình độ dân trí của hải phòng khá cao, hiện nay Hải Phòng có 760.000 người ở độ tuổi lao động tập trung ở nội thành gần 500.000 người với 80.000 người có tay nghề bậc 3 trở lên, 40.000 kỹ thuật viên có trình độ trung học chuyên nghiệp và có 27.000 cán bộ cao đẳng, đại học và trên đại học. Hàng năm con số này gia tăng một cách đáng kể.

Về cơ cấu dân cư

Hải Phòng vốn là đầu mối giao lưu cho nên trong suốt quá trình phát triển đã có nhiều lớp dân cư từ nơi khác đến sinh sống, kể cả người nước ngoài mà chủ yếu là người hoa. Người việt ở đây chủ yếu là từ các tỉnh lân cận đến, mang tới Hải Phòng các đặc trưng văn hóa khác nhau. Tuy nhiên, tất cả đều có chung một cội nguồn văn hóa việt và cốt cách mạnh mẽ táo bạo của người khai hoang lấn biển.

2.1.4. Đánh giá chung tài nguyên du lịch nhân văn ở Hải Phòng

Hải Phòng là một thành phố có tiềm năng du lịch nhân văn khá phong phú. Dấu ấn lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc còn lưu lại ở nhiều di tích có giá trị lịch sử, kiến trúc và nghệ thuật thuộc địa bàn thành phố. Những danh lam thắng cảnh, những di tích lịch sử văn hóa, những làng nghề truyền thống độc đáo, những lễ hội truyền thống của địa phương thật sự là những cơ sở vững chắc cho hoạt động du lịch tại thành phố ngày càng phát triển. Tuy nhiên, việc khai thác những tiềm năng đó để phục vụ cho du lịch còn gặp nhiều bất cập. Nhiều di tích bị xuống cấp một cách nghiêm trọng. Việc tôn tạo lại không đảm bảo tính chân thực của lịch sử, làm hư hại phong cách kiến trúc cổ. Một số làng nghề truyền thống chưa có một quy hoạch phát triển và bảo tồn thích hợp, chưa có những chính sách ưu đãi đối với những nghệ nhân làng nghề, chưa khai thác theo đúng định hướng du lịch để cung cấp thêm sản phẩm cho du lịch thành phố.

2.2. Thực trạng du lịch Hải Phòng giai đoạn 2006 - 2010

2.2.1. Tình hình chung

Thành phố Hải Phòng là một trong bốn thành phố lớn ở Việt Nam thuộc miền duyên hải phía Bắc với diện tích là 1.503.5km² với dân số là 1,8 triệu người. Được thiên nhiên ưu đãi với lịch sử phát triển là gần 100 năm thành lập năm 1888 - Hải Phòng thực sự là một địa danh du lịch hấp dẫn cả trong và ngoài nước. Với những thắng cảnh đẹp, nổi tiếng như bãi biển Đồ Sơn, quần đảo Cát Bà nối liền với Vịnh Hạ Long. . . Cùng với các di sản văn hóa và các lễ hội dân tộc cổ truyền đã tạo cho Hải Phòng những nét thiên tạo và nhân văn độc đáo. Hoạt động du lịch của Hải Phòng ra đời cùng với ngành Du lịch của cả nước (9/7/1960). Do đặc điểm tình hình nhiệm vụ của từng thời kỳ cách mạng mà mục đích, tính chất cũng như phương thức hoạt động ở mỗi thời kỳ khác nhau.

Trong sự chuyển đổi nền kinh tế đất nước từ cơ chế quản lý kế hoạch hóa tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Ngành Du lịch Việt Nam được xác định là ngành kinh tế quan trọng và mang tính tổng hợp nằm trong chiến lược phát triển kinh tế của cả nước. Hoạt động của ngành du lịch kéo theo các ngành khác như an ninh, quốc phòng, hải quan, hàng không, giao thông, bưu chính viễn thông, công nghiệp, thương mại, công nghiệp chế biến thực phẩm, xây dựng, y tế, bảo hiểm. . . Các doanh nghiệp du lịch của thành phố đã có nhiều nỗ lực vươn lên tiếp cận thị trường nhằm đứng vững và phát triển theo kịp sự đổi mới của đất nước.

Năm 2006 với khẩu hiệu: “Việt Nam - vẻ đẹp tiềm ẩn” toàn ngành thực hiện chương trình hành động của Ban Chỉ đạo nhà nước về du lịch. Ban Chỉ đạo của thành phố về du lịch đã đề ra chương trình hành động cụ thể. Hoạt động du lịch được sự quan tâm của các cấp, các ngành, từ trung ương đến địa phương. Đây là cơ hội để đẩy nhanh tốc độ phát triển du lịch của Hải Phòng

Thị trường khách du lịch Trung Quốc tiếp tục được khai thác mạnh thị trường khách du lịch nội địa có thuận lợi lớn là thực hiện tuần làm việc 40 giờ nghỉ hai ngày cuối tuần.

Các doanh nghiệp du lịch đã có nhiều kinh nghiệm của các năm trước vững vàng hơn trong kinh tế thị trường, tự chủ trong kinh doanh, biết khai thác và tìm kiếm những thị trường mới.

Tuy vậy cuộc khủng hoảng tài chính trong khu vực chưa được khắc phục hoàn toàn, vẫn còn ảnh hưởng tới nền kinh tế xã hội của cả nước, thành phố và hoạt động du lịch. Khách du lịch có khả năng thanh toán cao chưa nhiều, cơ sở hạ tầng phục vụ cho việc phát triển du lịch vẫn chưa có chuyển biến, thiếu đồng bộ. Cơ chế chính sách còn nhiều bất cập, đầu tư cho phát triển du lịch còn chậm, sản phẩm du lịch nghèo nàn, đơn điệu.

Với lợi thế là một trong những cảnh biển lớn của cả nước, tài nguyên thiên nhiên phong phú hấp dẫn gắn với những di tích lịch sử oanh liệt với những lễ hội truyền thống đặc sắc sẽ là đà tạo điều kiện cho du lịch Hải Phòng phát triển hơn nữa trong thế “bay lên của rồng biển”.

2.2.2. Thực trạng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật

2.2.2.1. Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch:

*** Cơ sở lưu trú du lịch:**

Thời gian qua với vị thế đã có và khai thác có hiệu quả tiềm năng phong phú về tài nguyên phục vụ phát triển du lịch, thành phố Hải Phòng đã dần khẳng định là một trong những trung tâm du lịch lớn của cả nước với nhiều công trình hạ tầng được xây dựng, tu bổ, tôn tạo phục vụ công tác phát triển du lịch nói riêng và phát triển kinh tế nói chung. Hạ tầng đô thị Hải Phòng thay đổi nhanh chóng, mạnh mẽ, tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế xã hội và đặc biệt là hoạt động du lịch.

Cùng với xu hướng chung của cả nước hiện nay, do lượng khách quốc tế ngày càng tăng, khách nội địa có nhu cầu đi nghỉ nhiều hơn nên các khách sạn, nhà trọ được xây dựng thêm để đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách du lịch. Ngành du lịch Hải Phòng cũng không ngừng nâng cấp, xây mới khách sạn, nhà nghỉ của các thành phần kinh tế tăng nhanh cả về số lượng quy mô và phương thức hoạt động.

Bảng: Tổng hợp cơ sở lưu trú của Hải Phòng, giai đoạn 2006 - 2010

Chỉ tiêu	ĐV tính	Năm				
		2006	2007	2008	2009	2010
Cơ sở lưu trú du lịch	Cơ sở	198	201	212	214	252
- Số phòng	Phòng	5.357	5.570	5.913	5.933	6.566

- Số KS trên 15 phòng	KS	93	100	106	110	115
- Số KS 3 sao trở lên	KS	10	11	12	12	12
- Công suất sử dụng phòng	%	39,1	40,1	51,1	51,5	49,5

Nguồn: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Hải Phòng.

Đến nay, năng lực lưu trú của du lịch Hải Phòng hiện đã đạt 6.566 phòng trong đó có 3.810 phòng đạt tiêu chuẩn quốc tế 1 - 4 sao(tăng 4 lần so với 10 năm trước). Công suất sử dụng khách sạn bình quân đạt 50% năm. Nếu đem so sánh số liệu này với các địa phương khác thì du lịch Hải Phòng không hề kém cạnh. Cái yếu nhất mà các thành viên ban chỉ đạo thành phố về du lịch chỉ ra là hoạt động tuyên truyền, quảng bá xúc tiến du lịch. Quy mô xây dựng hầu hết là vừa và nhỏ trang thiết bị nội thất chưa đồng bộ, chỉ duy nhất có 6 khách sạn trên 100 phòng như: Hữu Nghị, Harbour View, Holiday View, Nam Cường, Làng quốc tế Hương Dương và nhà khách Hải Quân. Nhìn chung chất lượng các khách sạn còn lại chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch.

** Cơ sở vui chơi giải trí và thể thao*

Ngày nay nhu cầu vui chơi giải trí của người dân nói chung và của khách du lịch nói riêng ngày càng được nâng cao, bởi vì đó là hoạt động mang tính giải tỏa tâm lý sau những giờ làm việc mệt nhọc. Do đó các cơ sở vui chơi giải trí bắt buộc phải có những hoạt động hấp dẫn, các trang thiết bị phục vụ cho việc vui chơi phải hiện đại, vừa mang tính giáo dục, vừa mang tính thẩm mỹ nghệ thuật cao và giá cả lại phù hợp với mức thu nhập của người dân và du khách. Nhưng cho đến nay Hải Phòng vẫn thiếu nhiều điểm vui chơi đáp ứng được yêu cầu trên. Một số cơ sở vui chơi có quy mô bé, trang thiết bị lạc hậu, nghèo nàn, các hoạt động tẻ nhạt. . . Do đó số lượng khách đến vui chơi rất ít. Gần đây khu du lịch Hòn Dấu đã đưa vào hoạt động một cách có hiệu quả, khu Sông Giá Resort cũng được đưa vào hoạt động. Các điểm vui chơi giải trí ở Hải Phòng ngày càng tăng làm tăng thêm không khí vui chơi của người dân. Nhưng tình hình an ninh ở những tụ điểm này không tốt, thường xảy ra ẩu đả gây mất trật tự tạo tâm lý không thoải mái cho du khách khi vào những nơi này. Để làm phong phú cho sản phẩm du lịch của thành phố

được sự hỗ trợ của Tổng cục du lịch và các ngành của trung ương, tại khu vực nội thành và khu vực phụ cận sẽ xây dựng một số điểm vui chơi giải trí.

2.2.2.2. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật

* Hệ thống giao thông

- Đường bộ

Hải Phòng được nối liền với Hà Nội và các tỉnh phía Bắc bởi quốc lộ 5 dài 102km. Tuyến đường quốc lộ 10 nối Hải Phòng với Quảng Ninh và các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình thuộc miền duyên hải Bắc Bộ. Mạng lưới giao thông trên địa bàn nội, ngoại thành của Hải Phòng có chiều dài tổng cộng trên hàng nghìn km. Trong chiến tranh chống Mỹ, Hải Phòng là một trọng điểm đánh phá của không lực Hoa Kỳ. Toàn bộ hệ thống cầu đường bị hư hỏng nặng. Cho đến nay kinh phí hạn hẹp, việc sửa chữa và nâng cấp hệ thống giao thông đường bộ tại Hải Phòng còn gặp nhiều khó khăn chưa đáp ứng yêu cầu của một trung tâm đô thị đang phát triển.

- Đường biển

Là một thành phố cảng, có nhiều cửa sông và nhìn ra biển Đông, Hải Phòng là một đầu mối của nhiều tuyến đường biển quan trọng nối liền thành phố với các cảng biển trên bờ biển dài 3000km của nước ta cũng như với nhiều hải cảng quốc tế trên khắp các châu lục, đặc biệt là Hồng Kông, Đài Loan, các hải cảng thuộc vùng Đông Nam Trung Quốc và Nhật Bản, Hải Phòng thường xuyên đáp ứng nhiều nhu cầu vận chuyển hàng hóa và hành khách. Hải Phòng có điều kiện thuận lợi để phát triển loại hình du lịch đường biển. Tuy nhiên số du khách đến Việt Nam theo đường biển mới chỉ chiếm một tỷ lệ thấp so với số du khách sử dụng các phương tiện vận chuyển khác.

- Đường hàng không

Trên địa bàn Hải Phòng có hai sân bay là sân bay Cát Bi và sân bay Kiến An. Sân bay Kiến An được xây dựng từ thời Pháp theo một quy mô nhỏ và trong một thời gian dài không được đưa vào sử dụng. Sân bay Cát Bi mới được đưa vào sử dụng, tuy nhiên đường bay còn ngắn, nhà ga còn lạc hậu chưa đủ điều kiện để

phát triển thành một cảng hàng không quốc tế. Tháng 7/1997 Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt đã xuống làm việc với Ủy Ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Cục hàng không dân dụng Việt Nam, Cục hàng không Miền Bắc và lãnh đạo sân bay Cát Bi vừa đảm nhận việc thực hiện các chuyến bay trong nước và quốc tế, đồng thời đảm nhận vai trò dự phòng cho sân bay quốc tế Nội Bài trong lĩnh vực thương mại và du lịch.

** Hệ thống cung cấp điện*

Mạng lưới điện quốc gia đến với Hải Phòng sớm hơn nhiều địa phương khác, vì thế việc điều tiết và cung cấp điện cho Hải Phòng hiện nay đủ đảm bảo nhu cầu sản xuất và sinh hoạt. Tuy nhiên nhiều khu vực và công trình đòi hỏi mức tiêu thụ điện lớn vẫn còn nhiều khó khăn, thậm chí bị gián đoạn do sự cung cấp điện không đảm bảo. Nguyên nhân của tình trạng này không phải do thiếu điện, mà là cơ sở hạ tầng điện còn nhiều nhược điểm. Đường truyền tải điện trong nội thành xây dựng từ lâu, lạc hậu, cũ, các trạm biến áp còn ít dẫn tới quá tải trước quá trình đô thị hóa. Trong khi đó kinh phí để cải tạo, nâng cấp, làm mới còn hạn hẹp, không đủ khả năng tạo ra sự biến đổi về chất trước yêu cầu đưa Hải Phòng bước tới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Hiện toàn thành phố có 14/15 quận, huyện có đường lưới điện quốc gia (trừ huyện đảo Bạch Long Vĩ cách xa đất liền 133 km, hiện đang được đầu tư nhà máy điện sức gió và diezen), có 100% xã có điện lưới .

** Hệ thống cấp thoát nước*

Trước đây khả năng cung cấp nước sạch tại Hải Phòng còn rất hạn chế do công suất của các nhà máy nước còn ít so với nhu cầu sử dụng. Bên cạnh đó, Hải Phòng có trữ lượng nguồn nước ngầm không đáng kể, lại bị nhiễm mặn, ít có khả năng khai thác, chủ yếu khai thác nguồn nước mặt của sông. Hiện nay, hệ thống cấp thoát nước sinh hoạt và công nghiệp của Hải Phòng đã nhận được nguồn viện trợ của chính phủ Phần Lan đang được cải tạo nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của thành phố.

** Hệ thống thông tin liên lạc*

Hải Phòng là một thành phố lớn, một trung tâm kinh tế và du lịch quan trọng, nên ngành bưu chính viễn thông đã được đầu tư tương xứng với vị trí của nó. Hiện nay, Hải Phòng đã đưa vào sử dụng tổng đài điện tử 5000 số cho phép thực hiện nhanh chóng các cuộc liên lạc trong và ngoài nước. Trong chương trình hiện đại hóa thông tin liên lạc, thành phố đã chủ trương phát triển hệ thống thông tin di động, mở rộng các dịch vụ điện báo, điện thoại công cộng đưa số máy và 100% xã có điện thoại.

2.2.3. Thực trạng đội ngũ lao động và quản lý

Nhân lực được coi là tài nguyên để phát triển du lịch. Sự gia tăng về số lượng và chất lượng đội ngũ lao động trong ngành du lịch thành phố đóng vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của du lịch. Lao động là một trong những yếu tố khả biến làm thay đổi giá trị vô hình và hữu hình của sản phẩm du lịch .

** Nhân lực bộ máy cán bộ quản lý:*

- Năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về du lịch của Sở cũng còn hạn chế: Hiện nay, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch có 2 phòng chuyên môn quản lý về du lịch với 14 cán bộ, hầu hết đã qua đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng, một số có kinh nghiệm quản lý du lịch. Ngoài ra, chủ yếu là cán bộ trẻ 10/14 cán bộ có tuổi công tác dưới 10 năm. Một số cán bộ trẻ mới nhận công tác nên kinh nghiệm, năng lực công tác còn nhiều hạn chế, mới có ngoại ngữ tiếng Anh, chưa có các ngoại ngữ khác.

- Thành phố có 15 quận, huyện thì 14 quận, huyện có Phòng Văn hoá - Thông tin có chức năng quản lý du lịch trên địa bàn. Riêng Phòng Du lịch, Văn hoá thông tin quận Đồ Sơn và huyện Cát Hải có cán bộ chuyên trách du lịch, các quận, huyện còn lại cán bộ đều kiêm nhiệm, không qua đào tạo chuyên ngành du lịch. Đây là vấn đề khó khăn trong công tác quản lý, điều hành, cũng như phối hợp triển khai các công trình, kế hoạch về hoạt động du lịch tới địa phương.

** Lao động trong ngành Du lịch:*

- Với mục tiêu xây dựng Hải Phòng là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực du lịch không chỉ cho thị trường Hải Phòng mà còn cho các tỉnh phía Bắc, đến nay trên địa bàn thành phố đã xây dựng được hệ thống các trường có chuyên ngành đào tạo du lịch từ sơ cấp đến đại học nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho

Ngành Du lịch thành phố như Đại học Hải Phòng, Đại học Dân lập Hải Phòng, Cao đẳng Cộng đồng, Cao đẳng Nghề du lịch và dịch vụ, Trung cấp Du lịch - thực Miền Trung và Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch (thuộc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch). Đặc biệt, Trường Cao đẳng Nghề du lịch và dịch vụ là trường chuyên ngành du lịch (hiện đang xây dựng cơ sở tại huyện An Đông); ngoài việc đào tạo tập trung, Trường đã liên kết mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhiều cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn thành phố, trung bình mỗi năm tuyển sinh từ 500 - 600 học sinh chuyên ngành du lịch. Tuy nhiên, do công tác giảng dạy còn nặng về lý thuyết, ít thực hành, ngoại ngữ hạn chế... nên chất lượng học sinh ra trường nhìn chung thấp, không đáp ứng được yêu cầu, doanh nghiệp phải đào tạo lại về nhiều mặt.

- Hiện nay, toàn thành phố có 38.945 người đang lao động trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng, chiếm 4% lao động toàn thành phố. Lao động tại các cơ sở lưu trú du lịch là 5.304 người, trong đó lao động đã qua đào tạo nghiệp vụ du lịch là 2.058 người chiếm 38,8%, lao động có bằng đại học chuyên ngành du lịch là 386 người, chiếm 7,3%. Lao động tại các công ty lữ hành là 520 người như chỉ có 26 người có thẻ hướng dẫn viên, mặc dù Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thời gian qua đã cấp và đổi được 127 thẻ. Tuy nhiên, do điều kiện hoạt động khó khăn nên một số hướng dẫn viên có thể đã chuyển tới các địa phương khác như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh. Bên cạnh đó, do đặc thù hoạt động kinh doanh du lịch thường mang tính mùa vụ nên lực lượng lao động trong ngành thường xuyên biến động, do đó việc đào tạo lao động gặp nhiều khó khăn, trình độ lao động hạn chế cả về nhận thức, kỹ năng giao tiếp và trình độ ngoại ngữ.

2.2.4. Hoạt động quảng bá du lịch

Góp phần xây dựng, quảng bá hình ảnh Hải Phòng đến với bạn bè trong nước, quốc tế, đã xây dựng được một số sản phẩm du lịch đã được du khách hoan nghênh và chấp nhận như Chương trình du lịch Du khảo đồng quê, Du lịch nội thành và một số chương trình Lễ hội....

- Đã xuất bản phát hành hàng nghìn ấn phẩm: sách hướng dẫn du lịch, tập gấp, băng đĩa hình, video clip, phim tài liệu, phóng sự trên VTV1, VTV2, VTV4, Truyền hình Hải Phòng...

- Nhiều tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp đã tích cực đầu tư quảng bá hình ảnh của mình qua đó góp phần đẩy mạnh quảng bá - xúc tiến du lịch thành phố.

Hạn chế:

- Công tác nghiên cứu thị trường chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Không có các đợt khảo sát, nghiên cứu, đánh giá thị trường du lịch Hải Phòng một cách quy mô và chuyên nghiệp, chưa có chiến lược xúc tiến dài hạn, xác định được mục tiêu và các hoạt động cụ thể nhằm sử dụng các công cụ marketing hiệu quả đối với thị trường. Hàng năm, chưa tổ chức được các đợt khảo sát, nghiên cứu, đánh giá thị trường du lịch Hải Phòng một cách quy mô. Điều này hạn chế hiệu quả công tác quảng bá - xúc tiến du lịch nhất là ở thị trường nước ngoài.

- Các sự kiện văn hóa, du lịch nội dung chưa thường xuyên được làm mới, sáng tạo và gắn kết, thúc đẩy lẫn nhau, chưa có kế hoạch dài hạn quảng bá cho các sự kiện này. Vì vậy, mức độ thu hút sự quan tâm của du khách, của các phương tiện truyền thông chưa cao dẫn đến hiệu quả tổ chức sự kiện du lịch hạn chế. Nhiều lễ hội dân gian trên địa bàn thành phố có tính độc đáo, mang bản sắc văn hóa riêng, có sức hút du khách nhưng chưa được tập trung quảng bá tốt nên các lễ hội này (kể cả lễ hội Chợ trâu Đồ Sơn) chưa đạt hiệu quả xứng tầm.

- Kinh phí dành cho quảng bá - xúc tiến du lịch quá hạn hẹp, nên việc xây dựng các chương trình xúc tiến du lịch ra thị trường nước ngoài rất khó khăn. Nhận thức về vai trò quảng bá - xúc tiến du lịch còn chưa đầy đủ, còn lẫn lộn với quảng cáo.

- Sự tham gia hưởng ứng của một số doanh nghiệp du lịch còn hạn chế, chưa phát huy được sức mạnh tự quảng bá - xúc tiến.

- Liên kết, hợp tác trong quảng bá - xúc tiến du lịch chưa chặt chẽ, thường xuyên. Du lịch Hải Phòng đã ký kết hợp tác phát triển du lịch với thành phố Hà Nội, tỉnh Quảng Ninh,... nhưng quá trình triển khai thực hiện chưa mang lại kết quả tương xứng

2.2.5. Kết quả hoạt động kinh doanh

* *Khách du lịch*

Trong những năm gần đây, nhờ chính sách đổi mới, mở cửa của Đảng và Nhà nước (đặc biệt từ khi có Nghị quyết 45/CP của Chính phủ về đổi mới quản lý và phát triển ngành du lịch và chỉ thị 46/CT-TW của Ban Bí thư - Trung ương Đảng), sự phát triển ổn định với tốc độ cao của kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học kỹ thuật và đặc biệt là sự ổn định về chính trị, an ninh quốc phòng ở nước ta đã góp phần nâng cao mức sống của người dân. Thu nhập gia tăng, đời sống được nâng cao, điều kiện về giao thông ngày càng được cải thiện và thuận lợi và đặc biệt là quyết định của Chính phủ về việc giảm thời gian lao động xuống còn 40 giờ/tuần và thời gian nghỉ tăng lên 2 ngày - chính là nhân tố quan trọng hàng đầu làm cho nhu cầu du lịch tăng lên.

Cũng với xu hướng đó, hoạt động kinh doanh du lịch Hải Phòng cũng khá phát triển. Địa bàn du lịch được mở rộng; các điểm danh thắng được tôn tạo, nâng cấp; các khu vui chơi giải trí được xây dựng; hệ thống các cơ sở lưu trú du lịch được quan tâm đầu tư phát triển... đã tạo nên những chuyển biến rõ rệt trên hết về số lượng khách du lịch đến Hải Phòng. Đặc biệt trong khoảng 5 năm trở lại đây (2006 - 2010) tốc độ tăng trưởng trung bình năm đạt trên 14% - đây thực sự là một tín hiệu đáng mừng đối với du lịch Hải Phòng nói riêng và cả vùng Duyên hải Đông Bắc cũng như toàn bộ vùng du lịch Bắc Bộ nói chung.

Trong những năm gần đây được sự quan tâm và đầu tư của Nhà nước về xây dựng cơ sở hạ tầng cùng với việc ngành du lịch Hải Phòng chú trọng nhiều hơn cho công tác tuyên truyền quảng bá nên lượng khách du lịch đến Hải Phòng ngày một tăng cả về khách du lịch quốc tế lẫn du lịch nội địa. Khách quốc tế đến Hải Phòng chiếm trung bình khoảng 20% so với tổng lượng khách, tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm giai đoạn 2006 - 2010 đạt 12%/năm. Khách nội địa chiếm tỷ trọng khoảng 80% với tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm giai đoạn 2006 -2010 là 15%/năm.

Bảng: Tổng hợp khách, doanh thu du lịch giai đoạn 2006 – 2010

CHỈ TIÊU	ĐV TÍNH	NĂM				
		2006	2007	2008	2009	2010
1. Tổng lượt khách du lịch	LK	2.964.845	3.577.917	3.900.956	4.001.501	4.201.000
<i>Trong đó:</i> - Khách quốc tế	"	602.100	615.996	668.550	630.969	596.000
- Khách nội địa		2.362.745	2.961.921	3.232.406	3.370.532	3.604.600
1.1. Khách l- u trú	"	2.928.665	3.527.159	3.844.610	3.944.742	4.135.208
TĐ: Khách quốc tế	"	593.608	610.759	664.486	624.104	590.700
1.2. Khách du lịch do cơ sở lữ hành phục vụ	LK	36.180	50.758	56.346	56.759	65.792
- Lượt khách quốc tế	LK	8.492	5.237	6.706	6.865	5.700
- Lượt khách trong n- ớc	NGÀY	27.688	45.521	49.640	49.894	60.092
2. Tổng doanh thu	TỶ ĐỒNG	728,408	1.023,755	1.165,452	1.211,440	1.353.000

Nguồn: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Hải Phòng.

- Thị trường khách du lịch quốc tế

Khách du lịch quốc tế đến Hải Phòng bằng nhiều con đường khác nhau nhưng chủ yếu là theo đường bộ từ Hà Nội Và Quảng Ninh và đến các thành phố lớn phía Nam như thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng bằng đường hàng không.

Kết quả phân tích thị trường thời gian qua cho thấy khách du lịch quốc tế đến với Hải Phòng chủ yếu là khách du lịch Trung Quốc và nguồn khách này đang chiếm một tỷ lệ không nhỏ trong cơ cấu khách du lịch đến Hải Phòng. Từ tháng 3 năm 1996 Hải Phòng được chính phủ cho phép đón khách du lịch Trung Quốc đi bằng giấy thông hành xuất nhập cảnh qua cửa khẩu Móng Cái đến Hải Phòng và đến tháng 7 năm 1997 chính phủ cho phép thành phố đón khách du lịch Trung Quốc đi bằng giấy thông hành xuất nhập cảnh theo đường biển cập cảng Hải Phòng nên lượng khách du lịch Trung Quốc đến Hải Phòng đã tăng lên. Năm 1997 Hải Phòng mới đón được hơn 10.000 lượt khách Trung Quốc chiếm khoảng 15% tổng lượng khách du lịch quốc tế đến hải phòng nhưng đến năm 2000 đã có 125.000 lượt khách Trung Quốc vào Hải Phòng chiếm 61% tổng lượng khách du

lich quốc tế đến Hải Phòng và đến năm 2005 lượng khách Trung Quốc đã chiếm hơn 70% tổng lượng khách quốc tế đến Hải Phòng. Ngoài ra còn có các thị trường khách Đài Loan, Hồng Kong, Thái Lan, Nhật Bản, Nga, Hàn Quốc . . .

Ngày lưu trú của khách quốc tế: khách đến Hải Phòng trung bình lưu trú giao động từ 1,43 ngày đến 1,50 ngày/khách.

- Thị trường khách du lịch nội địa

Trái ngược với khách quốc tế, khách nội địa liên tục tăng từ 1999 trở lại đây nguyên nhân cơ bản chính là chính sách giảm giờ làm, tăng thời gian nghỉ ngơi cho cán bộ viên chức nhà nước, chính sách tiền lương được điều chỉnh, đời sống nâng cao đã tạo cơ hội cho người dân đi du lịch nhiều hơn.

Thị trường khách nội địa chiếm tỷ lệ 80% so với tổng lượng khách đến Hải Phòng. Các điểm du lịch hấp dẫn như: Bạch Long Vĩ, Cát Bà, Long Châu, Đồ Sơn, Hòn Dấu cùng với lễ hội chọi trâu Đồ Sơn . . . đã tạo dựng cho Hải Phòng thực sự là điểm du lịch hấp dẫn với khách nội địa. Tuy nhiên, loại hình du lịch của Hải Phòng còn đơn điệu, thiếu hẳn nơi vui chơi giải trí thể thao hấp dẫn du khách nên lượng khách du lịch nghỉ cuối tuần vẫn ít hơn Hà Nội và Quảng Ninh.

Tốc độ tăng trưởng trung bình về lượng khách du lịch nội địa đạt 15% cho giai đoạn 2006 - 2010, chủ yếu là do nhu cầu tham quan nghỉ dưỡng của người lao động trong cả nước.

Ngày lưu trú của khách quốc tế : khách du lịch nội địa đến Hải Phòng thường lưu trú trung bình từ 1,25 – 1,35 ngày/ khách.

** Doanh thu*

Tổng thu nhập của ngành du lịch thành phố Hải Phòng trong những năm qua đã có sự tăng trưởng đáng kể. Nếu như năm 1995 tổng thu nhập của toàn ngành du lịch mới đạt 58,2 tỷ đồng thì đến năm 2000 đã tăng gấp 4 lần và đạt mức 231 tỷ đồng. Đến năm 2005, doanh thu du lịch đã đạt mức 552 tỷ đồng tăng 9,5 lần so với khi mới bắt đầu thực hiện quy hoạch và giai đoạn 2006 - 2010 đạt tốc độ tăng bình quân là 12%. Chính do điểm xuất phát du lịch Hải Phòng thấp nên trong

giai đoạn đầu của sự phát triển tốc độ tăng trưởng ở mức cao, những năm tiếp theo duy trì mức tăng trưởng đáng kể.

Cơ cấu thu nhập du lịch vẫn chủ yếu từ dịch vụ lưu trú và ăn uống (65 - 75%) doanh thu từ các dịch vụ khác như bán hàng, lưu niệm, vận chuyển, bưu chính, đổi tiền, vui chơi giải trí. . . chỉ chiếm khoảng 25 - 35% tổng thu nhập. Đó là tồn tại cần khắc phục trong hoạt động kinh doanh du lịch của du lịch Việt Nam nói chung và du lịch Hải Phòng nói riêng.

** Cơ cấu chi tiêu khách du lịch*

Theo điều tra thăm dò ý kiến khách du lịch tại một số điểm du lịch, tham quan và khách sạn thì trung bình một khách quốc tế chi tiêu 100USD/ngày, khách du lịch nội địa 30USD/ngày giai đoạn 2001 – 2005 và giai đoạn 2006 - 2010 khách quốc tế chi tiêu 150 USD/ngày, khách nội địa là 50 USD/ngày.

** Hoạt động lữ hành*

Với nhịp độ phát triển như hiện nay của Hải Phòng, hoạt động kinh doanh lữ hành đã góp một phần không nhỏ trong hoạt động du lịch của thành phố. Hiện nay Hải Phòng có trên 50 đơn vị kinh doanh lữ hành, trong đó có 12 đơn vị kinh doanh lữ hành quốc tế .

Các doanh nghiệp hợp tác với các đối tác mạnh là các công ty du lịch nước ngoài dưới hình thức liên doanh, liên kết và phải tái cơ cấu, thay đổi hình thức quản lý, linh hoạt hơn để tận dụng được nguồn khách và nghiệp vụ khai thác, quản lý điều hành du lịch của hãng du lịch nước ngoài.

Áp dụng các công nghệ du lịch tiên tiến, nhất là công nghệ thông tin và viễn thông vào hoạt động du lịch trực tuyến, tham gia tại chỗ vào các chuỗi phân phối toàn cầu để phục vụ hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm các doanh nghiệp phải đầu tư, nâng cao sức cạnh tranh nhưng về phía nhà nước là đầu tư mạnh hơn cho việc phát triển hạ tầng du lịch, có các quy hoạch rõ ràng về đất đai, diện tích dành cho du lịch và có sự đầu tư nguồn nhân lực cho du lịch.

Việc tập trung nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ, công tác quảng bá xúc tiến du lịch thành phố luôn được chú trọng, thường xuyên tổ chức các hoạt

động tuyên truyền quảng bá, giới thiệu về hình ảnh Hải Phòng tới các thị trường du lịch mới trọng điểm, chủ động tập trung xây dựng thêm các tour, tuyến du lịch mới nhằm từng bước đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ nâng cao sức hấp dẫn cho trung tâm du lịch Cát Bà, Đồ Sơn, nội thành. Chuẩn bị các điều kiện khai thác thị trường khách du lịch quốc tế đi bằng đường hàng không Ma Cao – Hồng Kông – Hải Phòng và khách du lịch từ miền Tây và Nam Trung Quốc khi tuyến đường cao tốc và tuyến đường sắt chất lượng cao Hải Phòng – Hà Nội – Lào Cai hoàn thành.

Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao đáp ứng nhu cầu của khách hàng yêu cầu.

Bên cạnh đó tốc độ tăng trưởng du lịch chậm, đặc biệt là các năm 2008, 2009. Chỉ tiêu khách du lịch những năm gần đây không đạt kế hoạch, đặc biệt là khách du lịch quốc tế. Công tác quảng bá xúc tiến chưa tạo sức mạnh chung và thường xuyên do nguồn kinh tế khó khăn cùng với hạ tầng kỹ thuật (sân bay quốc tế, cầu cảng đón tàu du lịch . . .) chưa được đầu tư hoàn thiện, sản phẩm du lịch chưa có sự thay đổi nhiều, chưa có sự đột biến lớn về đầu tư tại trọng điểm du lịch Đồ Sơn và Cát Bà những khó khăn khác quan như suy thoái kinh tế, dịch bệnh thiên tai, khách du lịch Trung Quốc giảm mạnh, làm giảm đáng kể lượng khách quốc tế đến thành phố.

Doanh nghiệp lữ hành chưa mạnh, năng lực cạnh tranh yếu, chưa đủ sức để vươn ra thị trường Tây Âu, Bắc Mỹ, Nhật Bản và các nước ASEAN . . . Khách có khả năng thanh toán cao chỉ chiếm 10 - 15% trong tổng số khách quốc tế. Đội ngũ hướng dẫn viên thiếu về số lượng và yếu về nghiệp vụ, thuyết minh viên điểm mới bắt đầu đào tạo. . .

2.2.6. Quy hoạch và đầu tư du lịch

** Quy hoạch du lịch:*

Qui hoạch tổng thể phát triển du lịch Hải Phòng giai đoạn 1996 - 2010 đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt tại Quyết định số 1151/QĐ-UB ngày 11/7/1997. Năm 2008, Ủy ban nhân dân thành phố tiếp tục giao cho Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch triển khai Đề án Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch đến năm 2020 và đã đ- ợc Ủy ban nhân dân thành

phố phê duyệt tại Quyết định số 142/QĐ-UB, ngày 17/01/2008. Như vậy, quy hoạch tổng thể đã xác định được các vùng trọng điểm tập trung đầu tư cho phát triển du lịch. Tuy nhiên, đến nay chưa có qui hoạch chi tiết các vùng trọng điểm phát triển du lịch tại các quận, huyện trên địa bàn thành phố. Sau nhiều năm Thành phố mới có Qui hoạch chung, Qui hoạch chi tiết quận Đồ Sơn, Qui hoạch chi tiết thị trấn Cát Bà và qui hoạch chi tiết từng dự án đầu tư. Trên thực tế các qui hoạch này chỉ dừng ở mức phân khu chức năng, chưa phải là qui hoạch chi tiết. Các chủ đầu tư đều phải tự lựa chọn địa điểm, Sở Xây dựng xin ý kiến các ngành về địa điểm, sau đó báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố cho phép khảo sát địa hình, địa chất chứ không phải là qui hoạch đã có các vị trí cụ thể, nhà đầu tư chỉ việc xem qui hoạch và đăng ký xin đầu tư đúng vị trí, đúng qui mô và tính chất là được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận.

Các qui hoạch chi tiết cho dự án đầu tư du lịch đã được phê duyệt, nhưng thực tế chưa thu hút các nhà đầu tư. Đơn cử như Qui hoạch tổng thể khu nghỉ dưỡng - du lịch - di tích lịch sử Núi Voi, huyện An Lão (phê duyệt năm 1995), Qui hoạch chi tiết Công viên rừng Thiên Văn, quận Kiến An (phê duyệt năm 2001) đến nay mới chỉ triển khai được một số hạng mục đầu tư trong tổng thể qui hoạch. Nguyên nhân do không bố trí vốn để triển khai hạ tầng theo qui hoạch, việc kêu gọi các đối tác vào đầu tư thì chưa tạo điều kiện thuận lợi, thông thoáng, thủ tục phiền hà. Năm 2008, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch kết hợp với UBND huyện Kiến Thụỵ xây dựng Đề án Quy hoạch phát triển du lịch huyện Kiến Thụỵ trình UBND thành phố phê duyệt, về việc này UBND thành phố đã giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì và bố trí kinh phí để triển khai quy hoạch nhưng đến nay vẫn chưa có ý kiến. Nói chung, từ Nghị quyết, chủ trì xong đến thực tiễn, từ báo cáo xin ý kiến đến giải quyết cụ thể có khoảng cách quá xa nên chuyển biến quá chậm và không ai chịu trách nhiệm

** Về đầu tư du lịch:*

- Đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách:

Từ năm 2006 đến nay có 15 dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách, với tổng vốn đầu tư 430,859 tỉ đồng. Trong đó năm 2006 đầu tư 06 dự án với tổng vốn đầu tư 189,401 tỉ đồng, năm 2007 đầu tư 05 dự án với tổng vốn đầu tư 57,633 tỉ đồng, năm 2008 có 03 dự án với tổng vốn đầu tư 93,389 tỉ đồng, năm 2009 đầu tư

01 dự án với tổng vốn đầu t- 90,436 tỉ đồng. Trong tổng số 15 dự án, có 10 dự án đã đi vào hoạt động, 04 dự án đang triển khai, 01 dự án ch- a có địa điểm đầu t- .

Nhìn chung, các dự án đầu t- bằng vốn ngân sách chủ yếu đầu t- vào hạ tầng du lịch đã tạo lực hấp dẫn thu hút các thành phần kinh tế đầu t- vào lĩnh vực kinh doanh du lịch trên địa bàn thành phố nhất là ở nội thành Hải Phòng và 02 trọng điểm Cát Bà, Đồ Sơn.

- Đối với các dự án đầu t- bằng nguồn vốn ngoài ngân sách:

Từ năm 2004 đến nay có 34 dự án được UBND thành phố phê duyệt với tổng vốn đầu t- 19.446,623 tỉ đồng và 173,5 triệu USD, chủ yếu xây dựng khách sạn cao cấp đạt tiêu chuẩn quốc tế, các trung tâm thương mại tại Hải Phòng, các khu du lịch sinh thái quốc tế, các khu resort cao cấp, khách sạn quốc tế. Các khu vui chơi giải trí tại Đồ Sơn và Cát Bà còn đang thiếu

- Về đầu t- trực tiếp n- ớc ngoài :

Từ năm 2007 đến nay đã thu hút 06 dự án đầu t- n- ớc ngoài với tổng vốn đầu t- 730,25 triệu USD, trong đó có 02 dự án đi vào hoạt động với tổng vốn đầu t- 2,25 triệu USD (Dự án kinh doanh dịch vụ lễ hành quốc tế, nội địa của Công ty TNHH Du lịch Chào buổi sáng và Dự án kinh doanh dịch vụ khách sạn và nhà hàng ăn uống của Công ty TNHH Phú Phát Hồng Nghiệp), 02 dự án đang triển khai với tổng vốn đầu t- 602 triệu USD (Dự án xây dựng sân golf quốc tế 27 hố của Công ty TNHH MIBAEEK và Dự án khu vui chơi giải trí Vạn Sơn, khách sạn 5 sao và 02 trung tâm hội nghị tiêu chuẩn quốc tế của Công ty TNHH Sen Xanh), 02 dự án đang hoàn thiện thủ tục hồ sơ (Dự án xây dựng trung tâm thương mại, văn phòng, căn hộ cho thuê, kinh doanh nhà hàng ăn uống của Công ty TNHH một thành viên quốc tế Đông Thăng Hải Phòng và Dự án kinh doanh khách sạn, nhà hàng, vui chơi giải trí của Công ty TNHH tập đoàn phát triển bất động sản Thành Công).

Hạn chế, yếu kém của du lịch Hải Phòng

** Hạn chế, yếu kém:*

- Tình hình đầu tư trong lĩnh vực du lịch còn dàn trải và chưa phát huy hết hiệu quả và đặc biệt là chưa tương xứng với vai trò, vị trí của ngành kinh tế mũi nhọn.

- Chưa có biện pháp hữu hiệu quản lý thành phần kinh tế tư nhân (chủ yếu là hộ gia đình) đầu tư theo quy hoạch, nhất là tại hai trọng điểm du lịch Đồ Sơn và Cát Bà việc đầu tư xây dựng còn chắp vá, chưa thể hiện đặc thù văn hóa du lịch sinh thái biển.

- Phát triển hạ tầng du lịch còn chậm, chưa đồng bộ; đường giao thông dẫn đến một số trung tâm, điểm tham quan du lịch chưa thuận lợi (khu vực nội thành) tuyến đường Hải Phòng – Đình Vũ xuống cấp nghiêm trọng. Tỷ lệ các dự án hoàn thành và đi vào hoạt động đúng thời hạn còn thấp. Các dự án đầu tư mới đang có xu hướng chững lại, đặc biệt là các dự án có vốn đầu tư nước ngoài.

- Phương tiện vận chuyển khách du lịch chất lượng không đồng bộ, giao thông tuyến du lịch chính đi Cát Bà cùng với hệ thống phương tiện vận chuyển qua biển còn yếu kém, bất cập chưa được khắc phục Sân bay Cát Bi chưa được nâng cấp theo tiêu chuẩn quốc tế, chưa có bến tàu du lịch được đầu tư đồng bộ và hợp chuẩn, tàu khách quốc tế phải cập bến chung với cầu tàu hàng làm ảnh hưởng đến tâm lý cũng như chất lượng phục vụ du khách.

- Nhiều dự án đầu tư phát triển du lịch chậm tiến độ triển khai hoặc không có năng lực triển khai, đội ngũ doanh nghiệp du lịch của thành phố thiếu tiềm lực đầu tư lớn. Cơ sở lưu trú quy mô nhỏ, thiếu dịch vụ hỗ trợ, khuôn viên cây xanh và không có hệ thống xử lý chất thải . . .

- Cơ sở đào tạo tuy nhiều nhưng chất lượng chưa cao, đặc biệt là kiến thực thực hành thực tế và tay nghề còn thấp

- Đội ngũ cán bộ quản lý yếu về trình độ, lao động nghề tại cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, hướng dẫn viên và nhất là thuyết minh viên điểm chưa đáp ứng yêu cầu, còn thiếu về số lượng và yếu về nghiệp vụ, thuyết minh viên điểm mới bắt đầu đào tạo, chưa phát huy tốt tác dụng trong thực tế. Nhìn chung, năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước còn hạn chế, chưa năng động sáng tạo. Trình độ chuyên môn của lao động du lịch chưa đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

- Năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp yếu, sản phẩm du lịch còn nghèo nàn, thiếu sản phẩm du lịch có đặc thù Hải Phòng.

- Hoạt động tuyên truyền quảng bá – xúc tiến du lịch chưa sâu rộng, chất lượng thấp, hình thức quảng bá chưa phong phú, không có chiến lược bài bản. Sản phẩm du lịch đặc thù đặc biệt là các sản phẩm du lịch văn hóa mang tính đặc trưng của Hải Phòng cũng như các dịch vụ vui chơi giải trí nghèo nàn (chưa có sản phẩm du lịch đặc trưng), nhiều điểm tham quan du lịch bị xuống cấp, chưa được tu bổ thường xuyên, kết cấu hạ tầng không đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch, mới chỉ dừng lại chủ yếu là khai thác thô tài nguyên tự nhiên sẵn có, chưa thực sự đầu tư về chiều sâu, chưa có thương hiệu riêng cho du lịch Hải Phòng.

- Chưa bình đẳng trong kinh doanh du lịch, nhiều nhà khách, nhà nghỉ (Đồ Sơn) của các cơ quan, đoàn thể, bộ, ngành vẫn đón khách du lịch nhưng không đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, tạo chênh lệch lớn về chi phí đầu vào các cơ sở hoạt động đúng luật. Tại các trọng điểm du lịch còn nhiều quán hàng lấn chiếm vỉa hè, lòng đường. Tình trạng chèo kéo khách còn khá phổ biến.

- Việc liên kết phát triển du lịch giữa Hải Phòng với các tỉnh, thành phố, khu vực còn hạn chế, chưa chặt chẽ, hiệu quả thấp, hợp tác quốc tế về du lịch chưa phát triển. Hoạt động của Hiệp hội Du lịch chưa mạnh, chưa quy tụ gắn kết được hệ thống doanh nghiệp, chưa có sức thu hút hội viên.

** Nguyên nhân của một số hạn chế yếu kém*

+ Nguyên nhân chủ quan:

- Trước hết là sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của các cấp ủy Đảng, chính quyền chưa thực sự quyết liệt để ưu tiên, khuyến khích đầu tư phát triển du lịch, chưa có giải pháp hỗ trợ thiết thực mang tính đột phá để du lịch phát triển. Nhận thức về vai trò, tầm quan trọng, tiềm năng lợi thế của du lịch trong tổng thể nền kinh tế ở một bộ phận cán bộ, ở các cấp, ngành chưa được quan tâm đúng mức. Một số ngành chưa thực sự chủ động triển khai những nhiệm vụ được phân công. Nhiều hộ kinh doanh và người dân ở các trung tâm du lịch chưa ý thức đầy đủ trách nhiệm của mình với bảo vệ môi trường và phát triển văn hóa trong hoạt động du lịch.

- Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước du lịch ở địa phương thiếu ổn định và chưa được tăng cường tương xứng với vai trò là ngành kinh tế mũi nhọn của địa

huong, tương xứng với vai trò động lực của Vùng du lịch Bắc Bộ đã được xác định trong Chiến lược phát triển du lịch.

- Việc triển khai thực hiện những thảo thuận hợp tác đối với việc liên kết trong phát triển giữa du lịch Hải Phòng với các địa phương, đặc biệt là với Hà Nội và Quảng Ninh chưa thực sự được chú trọng.

- Công tác qui hoạch du lịch phát triển bền vững chưa thực sự được coi trọng tại các trọng điểm du lịch. Môi trường đầu tư chưa thực sự hấp dẫn, công tác giải phóng mặt bằng khó khăn, chưa có cơ chế chính sách hỗ trợ thích đáng cho các loại hình du lịch phục vụ cộng đồng xã hội có hiệu quả kinh tế thấp như: vui chơi giải trí, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

- Một số hoạt động quảng bá – xúc tiến du lịch đã được triển khai nhưng chất lượng chưa cao, hình thức quảng bá chưa phong phú, hấp dẫn, nguyên nhân một phần do thiếu và bị động về kinh phí nên không thực hiện được các chương trình dài hạn, sâu rộng ra nước ngoài, phần khác quan trọng hơn là thiếu ý tưởng, thiếu sự lồng ghép giữa xúc tiến du lịch với xúc tiến thương mại và xúc tiến đầu tư.

+ *Nguyên nhân khách quan:*

- Tình hình chính trị, kinh tế thế giới và khu vực thời gian qua có nhiều biến động khó lường, cùng với sự phát triển nhanh, mạnh về kinh tế, khoa học kỹ thuật, cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ và suy thoái kinh tế trên thế giới đã có tác động mạnh, ảnh hưởng tiêu cực tới sự phát triển của ngành du lịch cả nước nói chung và Hải Phòng nói riêng. Quá trình hội nhập kinh tế thế giới tạo ra nhiều cơ hội thuận lợi mới những cũng không ít khó khăn thách thức cho nền kinh tế thành phố và cho các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn.

- Hai trọng điểm du lịch biển Cát Bà và Đồ Sơn tuy có ưu thế lớn về cảnh quan thiên nhiên hấp dẫn nhưng hạn chế về quỹ đất phát triển các dự án du lịch lớn, do biến đổi khí hậu và nước biển dâng lên các bãi biển ở Đồ Sơn đã bị thu hẹp (khu III bị bùn hóa, khu I không còn bãi tắm).

- Môi trường kinh doanh du lịch trong khu vực lân cận, đặc biệt là với Trung Quốc và Thái Lan – hai thị trường có nguồn khách lớn của ta vài năm qua

đã có những điều kiện không thuận lợi cho mục tiêu tăng trưởng khách du lịch của Việt Nam nói chung và Hải Phòng nói riêng.

- Việc cạnh tranh trong hoạt động du lịch của các doanh nghiệp, các địa phương khác rất mạnh mẽ vượt trội so với các doanh nghiệp của Hải Phòng (đặc biệt là doanh nghiệp của Hà Nội và Quảng Ninh).

2.2.7. Đánh giá chung

Năm 2010 du lịch thành phố đã có một số hoạt động đạt kết quả rõ :

Thực hiện thành công Tuần lễ Văn hóa Thể thao Du lịch Hải Phòng lần thứ nhất mang tên “chào phố biển thân yêu”.

Quảng bá cho du lịch được đẩy mạnh bằng nhiều hình thức phong phú, hấp dẫn đa dạng thông qua các ấn phẩm, pano, áp phích, các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương và trung ương. Các lễ hội truyền thống, liên hoan các sự kiện lớn của đất nước, thành phố và địa phương của ngành du lịch được khai thác và tổ chức có hiệu quả, để lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng người dân thành phố và trong lòng mỗi du khách.

Khai thác có hiệu quả nguồn khách du lịch Trung Quốc và các nguồn khách du lịch nội địa. Xây dựng và phát triển các tuyến du lịch mới, thúc đẩy các dự án khu vui chơi giải trí phục vụ khách du lịch và nhân dân thành phố. Phát triển phương tiện vận chuyển khách du lịch, nhất là phương tiện đường thủy.

Nhận thức từ lãnh đạo đến các ngành các cấp và nhân dân thành phố về du lịch đã có chuyển biến rõ và thuận lợi cho phát triển du lịch.

Tuy vậy, những cố gắng trên chỉ mới là khởi đầu của phát triển du lịch thành phố. Hoạt động du lịch trong những năm tới còn nhiều khó khăn bất cập, không ít thách thức mới đặt ra như: mở rộng thị trường khách du lịch quốc tế, mở các tuyến du lịch, tạo ra những sản phẩm mới và đa dạng, nâng cao chất lượng phục vụ, hoàn thiện đồng bộ cơ sở hạ tầng cho phát triển du lịch và vấn đề tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý nhà nước về du lịch.

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH

HẢI PHÒNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

3.1. Định hướng phát triển du lịch Việt Nam

** Xu hướng quốc tế:*

- Tình hình kinh tế, chính trị, an ninh thế giới có tác động mạnh hơn khi Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu và toàn diện, đặc biệt là hoạt động du lịch. Toàn cầu hóa là xu thế khách quan, đòi hỏi các quốc gia, các vùng lãnh thổ vừa thúc đẩy hợp tác, vừa tăng sức ép cạnh tranh và tính phụ thuộc lẫn nhau.

- Châu Á - Thái Bình Dương vẫn là khu vực phát triển năng động và thu hút du lịch. Hợp tác trong khối ASEAN ngày càng tăng cường về chiều sâu. Hiệp hội du lịch Châu Á - Thái Bình Dương (PATA) hoạt động ngày càng có tiêu điểm hơn, đang từng bước thu hẹp chênh lệch giữa các thành viên thông qua các sáng kiến hợp tác mới.

- Du lịch trở thành một trong những ngành kinh tế tổng hợp phát triển nhanh nhất, lớn nhất trên bình diện thế giới, góp phần đặc biệt quan trọng vào sự phát triển và thịnh vượng của nhiều quốc gia. Các cường quốc như: Mỹ, Trung Quốc, Nhật đang coi phát triển du lịch là giải pháp để thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế. Đặc biệt là các nước đang phát triển coi phát triển du lịch là công cụ xóa đói, giảm nghèo và tăng trưởng kinh tế.

- Nhu cầu du lịch thay đổi hướng tới những giá trị mới được thiết lập trên cơ sở văn hoá truyền thống (tính độc đáo, nguyên bản), giá trị tự nhiên (tính nguyên sơ, hoang dã), giá trị sáng tạo và công nghệ cao (tính hiện đại, tiện nghi). Du lịch bền vững, du lịch xanh, du lịch có trách nhiệm, du lịch cộng đồng gắn với xóa đói giảm nghèo, du lịch hướng về cộng đồng, hướng về thiên nhiên là những xu hướng nổi trội. Chất lượng môi trường trở thành yếu tố quan trọng cấu thành giá trị thu hút du lịch.

** Xu hướng phát triển du lịch Việt Nam:*

- Du lịch Việt Nam đang đứng tr-ớc cơ hội to lớn khi nhu cầu du lịch trên thế giới nói chung và khu vực nói riêng ngày một tăng. Các thị tr-ờng trọng điểm của du lịch Việt Nam đều có sự gia tăng về khách. Khách du lịch từ thị tr-ờng Pháp đến Việt Nam tăng khoảng 12,3%/năm; t-ơng tự từ thị tr-ờng Trung Quốc là 9,7%/năm, thị tr-ờng Nhật là 10,2%/năm . . .

- Do tình hình an ninh, chính trị ổn định, Việt Nam thu hút đ-ợc sự quan tâm của khách du lịch quốc tế, họ quyết định chọn khu vực làm điểm đến du lịch. Tuy l-ợng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam ngày càng tăng nhanh và liên tục trong nhiều năm nh-ng ch- a ổn định và ch- a t-ơng xứng với tiềm năng, lợi thế của du lịch.

- Đầu t- du lịch đ-ợc đẩy mạnh, đặc biệt đầu t- trực tiếp n-ớc ngoài có vai trò quan trọng dẫn dắt phát triển du lịch. Đầu t- của khu vực t- nhân tăng nhanh, tuy có những đột phá năng động nh-ng tâm cỡ quy mô còn manh mún, dàn trải, tự phát và thiếu đồng bộ, liên hoàn nên hiệu quả tổng thể không cao. Kết cấu hạ tầng du lịch đ-ợc quan tâm hỗ trợ đầu t- của Nhà n-ớc và thu hút đ-ợc các thành phần kinh tế tham gia đầu t- . Nhiều công trình giao thông, sân bay đ-ợc cải tạo và đầu t- mới; cơ sở vật chất các khu du lịch đ-ợc đầu t- , nâng cấp từng b-ớc tạo điều kiện mở đ-ờng cho các hoạt động du lịch.

Trong những năm gần đây đảng và nhà nước đã thực sự quan tâm đến định hướng phát triển du lịch. Cụ thể hàng loạt các văn bản của đảng, chính phủ, các bộ và cơ quan liên bộ, Tổng cục Du lịch về hoạt động kinh doanh du lịch được ban hành.

- Nghị quyết số 45/CP ngày 22/6/1993, chỉ thị 46/BCH ngày 14/10/1994 và các nghị quyết của đại hội đảng toàn quốc đã nêu rõ quan điểm đổi mới và phát triển du lịch trong tình hình mới.

- Phát triển du lịch là một hướng chiến lược quan trọng trong đường lối phát triển kinh tế xã hội của đảng và nhà nước nhằm góp phần thực hiện công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, làm cho dân giàu nước mạnh xã hội công bằng dân chủ văn minh. Hoạt động du lịch phải đồng thời đạt hiệu quả cao trên nhiều mặt: kinh tế, chính trị, văn hóa, an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, giữ gìn và phát huy truyền thống bản sắc văn hóa dân tộc và nhân phẩm con người

Việt Nam, tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa thế giới, góp phần thực hiện chính sách đối ngoại của đảng và nhà nước.

- Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hóa cao. Vì vậy, phát triển du lịch là nhiệm vụ và trách nhiệm của các ngành, các cấp, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội. Khuyến khích các thành phần kinh tế tổ chức kinh doanh du lịch dưới sự quản lý thống nhất của nhà nước.

- Mở rộng giao lưu và hợp tác để phát triển du lịch quốc tế đồng thời chú trọng phát triển du lịch nội địa, đáp ứng nhu cầu về du lịch ngày càng tăng của nhân dân, góp phần nâng cao dân trí, lòng yêu quê hương đất nước, tăng cường sức khỏe, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Mục tiêu của ngành du lịch từ nay đến năm 2020 là đổi mới và phát triển các cơ sở và phương thức kinh doanh phục vụ, tạo ra được sản phẩm mang tính dân tộc, kết hợp với tính hiện đại, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm, hoàn thành vượt mức chỉ tiêu đón khách du lịch và những chỉ tiêu kinh tế xã hội nhà nước giao, tạo điều kiện cho sự phát triển mạnh mẽ và lành mạnh du lịch Việt Nam.

3.2. Định hướng phát triển du lịch Hải Phòng

- Nghị quyết 32/NQ-TW của Bộ Chính trị, Quyết định 145/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020, Quyết định 1448/2009/QĐ-TTg, ngày 16/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Phòng đến năm 2025, tầm nhìn 2050 và Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đều xác định Hải Phòng cùng với Hà Nội, Quảng Ninh tạo thành một tam giác động lực tăng trưởng du lịch quan trọng nhất của vùng Bắc Bộ và du lịch cả nước. Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng cũng đã có Nghị quyết số 09 về đẩy mạnh phát triển du lịch giai đoạn 2006 - 2010, định hướng 2020.

- Việt Nam đã là thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới WTO. Thị trường ngày càng rộng lớn cho phép thành phố Hải Phòng mở rộng quy mô sản xuất, phát triển nhiều sản phẩm mới, tăng cường xuất khẩu... Đặc biệt sản

phẩm du lịch sinh thái biển của Hải Phòng có tiềm năng lớn có sức cạnh tranh trong khu vực và quốc tế, là 1 trong 7 vùng trọng điểm du lịch của cả nước sẽ có sức hấp dẫn cao với du khách quốc tế nếu biết tổ chức khai thác hiệu quả. Đây là cơ hội để ngành Du lịch Hải Phòng hội nhập khu vực và quốc tế.

- Sự phát triển của 2 hành lang kinh tế - du lịch: Hải Phòng - Hà Nội - Lào Cai - Côn Minh và Hải Phòng - Hà Nội - Lạng Sơn - Nam Ninh và vành đai vịnh Bắc Bộ đang được Chính phủ 2 nước Việt Nam và Trung Quốc quan tâm đầu tư và khuyến khích phát triển

- Hải Phòng vẫn là cửa ngõ chính ra biển của Hà Nội, các tỉnh Bắc Bộ, Hải Phòng có sân bay, cảng biển, có đường sắt, đường sông, đường bộ là đầu mối giao thông.

- Hải Phòng có tiềm năng đáng kể đối với sự phát triển của ngành du lịch. trong các tài liệu chiến lược phát triển du lịch Việt Nam, chiến lược phát triển kinh tế xã hội Hải Phòng đến năm 2020, chủ trương phát triển du lịch trên địa bàn Hải Phòng đã được xác định như sau : xây dựng Hải Phòng thành một trong 10 trung tâm du lịch lớn của cả nước và làm cho du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của thành phố.

Năm 2010 là năm có nhiều thách thức và khó khăn đối với sự phát triển kinh tế xã hội Hải Phòng. Tuy vậy chính sách và cơ chế quản lý tiếp tục được đổi mới, pháp lệnh du lịch được thực thi tăng cường hợp tác hội nhập khu vực và thế giới, cùng với những sự kiện của cả nước và thành phố, ngành du lịch có cơ hội để thu hút du khách. Chương trình tuyên truyền quảng bá Việt Nam điểm đến của thiên niên kỷ mới sẽ là thuận lợi lớn để phát triển du lịch thành phố.

3.3. Mục tiêu phát triển du lịch Hải Phòng giai đoạn 2011 - 2020

Từng bước xây dựng Hải Phòng thành trung tâm đón nhận và phân phối khách quốc tế, đào tạo nhân lực du lịch, quảng bá xúc tiến du lịch. Phân đấu đến năm 2020, tầm nhìn 2030, du lịch Hải Phòng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của thành phố, là động lực để đẩy nhanh tiến trình xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm du lịch của Vùng Duyên Hải

Bắc Bộ, đảo Cát Bà cùng với Đồ Sơn, Hạ Long trở thành một trong những trung tâm du lịch quốc tế của cả nước.

- *Mục tiêu kinh tế:*

+ Phấn đấu đến năm 2015 thu hút 1,3 - 1,5 triệu lượt khách quốc tế và phục vụ 4,5 - 4,7 triệu lượt khách du lịch nội địa. Doanh thu du lịch đạt khoảng 2.000 tỷ đồng. Sẽ có 12.000 phòng lưu trú du lịch và các công trình đồng bộ phục vụ du lịch.

+ Phấn đấu đến năm 2020 thu hút 2,0 - 2,2 triệu lượt khách quốc tế và phục vụ 5,8- 6.0 triệu lượt khách du lịch nội địa. Doanh thu du lịch đạt khoảng 3.000 tỷ đồng. Sẽ có 17000 phòng lưu trú du lịch và các công trình đồng bộ phục vụ du lịch.

- *Mục tiêu xã hội:*

+ Phát triển du lịch nhằm góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, di tích lịch sử của thành phố. Vì vậy, phải gắn chặt chẽ văn hóa, lịch sử vào du lịch, lấy văn hóa, lịch sử để thúc đẩy du lịch, lấy du lịch để quảng bá văn hóa, lịch sử.

+ Phát triển du lịch nhằm tạo thêm việc làm cho xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo. Phấn đấu đến năm 2015 tạo 50 nghìn việc làm, năm 2020 tạo 80 nghìn việc làm, năm 2030 tạo 150 nghìn việc làm . . .

+ Phát triển du lịch nhằm giúp phát triển thể chất, nâng cao dân trí và đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân, tăng cường đoàn kết, hữu nghị, tinh thần tự tôn dân tộc, khai thác và quảng bá những truyền thống văn hóa dân tộc, mọi thành phần xã hội đều có cơ hội bình đẳng thụ hưởng những giá trị tinh hoa thông qua hoạt động du lịch.

- *Mục tiêu môi trường:*

+ Phát triển du lịch xanh, gắn hoạt động du lịch với gìn giữ và phát huy các giá trị tài nguyên và bảo vệ môi trường.

+ Đảm bảo môi trường du lịch là yếu tố hấp dẫn du lịch, đảm bảo chất lượng và giá trị thương hiệu du lịch.

3.4. Giải pháp phát triển du lịch Hải Phòng

3.4.1. Đào tạo nguồn nhân lực trong ngành du lịch

Tuyển chọn, đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên du lịch, đặc biệt là hướng dẫn viên điểm tại các di tích lịch sử theo đúng nghĩa của nó là người hướng dẫn viên có vốn hiểu biết phong phú về văn hoá, lịch sử và hiểu sâu sắc về di tích lịch sử văn hoá. Hướng dẫn viên hơn ai hết là người thể hiện rõ nét nhất văn hoá của quê hương, của dân tộc mình. Họ phải được trang bị kiến thức đầy đủ trong các lĩnh vực mỹ thuật, sâu khấu, lịch sử, kiến trúc phong tục tập quán, tôn giáo. Hướng dẫn viên du lịch cần được đào tạo theo hướng chuyên môn hoá để có kiến thức sâu rộng, phục vụ theo các yêu cầu tiêu dùng du lịch của con người với các đặc điểm tâm lý xã hội khác nhau.

Cái khó trong du lịch tham quan tìm hiểu về các di tích lịch sử văn hoá là làm thế nào xác định được cái gì thừa, cái gì để bán "Bởi vì di tích lịch sử, di sản văn hoá không được coi là hàng để bán mặc dầu có bán". Kết tinh trong nó là toàn bộ giá trị văn hoá - yếu tố bất biến. Vậy điểm quan trọng để cho du khách hiểu được giá trị cũng như ý nghĩa về lịch sử các di tích đó. Thông thường du khách khó có thể chấp nhận hoặc không thể hiểu được cách giải thích trừu tượng, phức tạp tại các di tích lịch sử văn hoá cho nên một cách diễn đạt đơn giản, xúc tích là rất cần thiết.

Hầu hết tại các di tích lịch sử trên địa bàn Hải Phòng đều không có thuyết minh viên điểm. Trong khi đó ở các tỉnh khác, tại các điểm di tích lịch sử thường có thuyết minh viên điểm hướng dẫn, giới thiệu. Vì vậy, cần nhanh chóng đào tạo đội ngũ thuyết minh viên điểm tại các di tích lịch sử, di tích cách mạng giới nghề, yêu nghiệp phục vụ nhu cầu tham quan của du khách.

Đẩy mạnh việc đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên làm việc trong ngành Du lịch một cách đồng bộ từ các hộ quản lý kinh doanh, xúc tiến, thuyết minh viên, hướng dẫn viên, nhân viên chạy bàn, buồng phòng, đầu bếp... chuyên sâu về chuyên môn, biết ngoại ngữ để giao tiếp, có phong cách ứng xử khéo léo; củng cố và tăng cường bộ máy quản lý nhà nước về du lịch, tuyển chọn và gửi đào tạo trong nước và nước ngoài đối với cán bộ đủ tiêu chuẩn, trình độ. Khuyến

khích các doanh nghiệp tự đào tạo, tranh thủ các nguồn kinh phí đào tạo quốc gia và quốc tế.

Hỗ trợ đào tạo nguồn lao động du lịch: Hỗ trợ các cơ sở đào tạo đẩy mạnh nghiên cứu khoa học cơ bản và khoa học ứng dụng, áp dụng công nghệ tiên tiến phục vụ tốt nhiệm vụ đào tạo. Phối hợp, liên kết mở lớp đào tạo để có đủ h- ớng dẫn viên, thuyết minh viên giỏi nghề, yêu nghiệp, hiểu biết sâu rộng về lịch sử, văn hoá, thiên nhiên và xã hội của địa ph- ơng, quốc gia, khu vực và quốc tế. Xây dựng các cơ chế - u đãi hấp dẫn nhằm tìm kiếm, thu hút nhân tài để phục vụ du lịch địa ph- ơng. Đặc biệt quan tâm đến các đối t- ợng đã qua đào tạo chuyên ngành du lịch tại các quốc gia có du lịch phát triển.

3.4.2. Xây dựng cơ chế, chính sách:

- Khẩn tr- ơng xây dựng chiến l- ược phát triển du lịch Hải Phòng. H- ớng phát triển du lịch Hải Phòng phải tập trung vào quần đảo Cát Bà, v- ờn ra vịnh Hạ Long, kéo Hạ Long vào với Cát Bà, tập trung vào bán đảo Đồ Sơn, vào các tuyến du lịch đã hình thành, đồng thời phát triển các dịch vụ vui chơi giải trí, mua sắm, ẩm thực để kéo khách từ Hà Nội và Quảng Ninh...

- Xây dựng cơ chế - u đãi phát triển du lịch, hỗ trợ đầu t- hạ tầng (đ- ờng, điện, cấp n- ớc sạch, thoát n- ớc thải) đến chân hàng rào dự án. Đặc biệt - u tiên các dự án vui chơi giải trí (đầu t- lớn, thời gian hoàn vốn dài), dự án có quy mô lớn, thích ứng với yêu cầu cải tạo và bảo vệ tài nguyên, môi tr- ờng.

- Có cơ chế khuyến khích chất l- ượng sản phẩm du lịch thông qua việc tôn vinh các th- ơng hiệu, nhãn hiệu du lịch hàng đầu.

Tổ chức và quản lý nhà n- ớc về du lịch:

- Căn cứ Luật Du lịch, rà soát tiêu chí theo quy định để xây dựng tài liệu thông qua Tổng cục Du lịch, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch h- ớng dẫn trình Chính phủ trong năm 2012 quyết định thành lập Đô thị du lịch Đồ Sơn, Khu Du lịch quốc gia Cát Bà. Từ đó thành lập Ban Quản lý các khu du lịch này để thống nhất quản lý và phát triển hoạt động du lịch tại địa bàn theo quy hoạch phát triển và yêu cầu hoạt động, tránh chồng chéo chức năng quản lý hoạt động, lại vừa không phận định rõ trách nhiệm trong mọi vấn đề liên quan trong mùa du lịch. Có thể xem

xét giao nhiệm vụ và kiện toàn tổ chức bộ máy cho các trung tâm quản lý, hướng dẫn du lịch tại Đồ Sơn, Cát Bà (hiện có) và nâng tầm hoạt động hiệu quả mà không tăng thêm tổ chức bộ máy hành chính và hạn chế bổ sung biên chế sự nghiệp, đồng thời gắn áp dụng khoán quản lý.

- Khẩn trương triển khai quản lý vịnh Lan Hạ, xác định các điểm neo đậu và cho phép tàu chở khách du lịch phục vụ khách ngủ đêm trên vịnh, dần thay thế đội tàu cũ, phát triển đội tàu chở khách du lịch mới trên vịnh theo tiêu chuẩn văn minh, chuyên nghiệp, an toàn, tôn trọng du khách. Gắn với việc phát hành vé tham quan, lệ phí khai thác tua, tuyến trên vịnh, không để thất thoát nguồn thu ngân sách và tạo nguồn để thanh phố xem xét hỗ trợ kinh phí hàng năm cho công tác quảng bá - xúc tiến, tổ chức các sự kiện du lịch tại khu du lịch hoặc bổ sung nguồn tái đầu tư kết cấu hạ tầng tại khu du lịch.

- Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, chấn chỉnh các hoạt động vui chơi giải trí không lành mạnh, đánh bạc, xóc thẻ, bói toán, chèo kéo khách, bán hàng nâng giá sản phẩm, nâng giá phòng nghỉ, bán hàng rong, ăn xin, xả rác bừa bãi... tại các lễ hội gắn kết với du lịch (Lễ hội Chọi Trâu, Khai trương mùa du lịch Đồ Sơn, Cát Bà, Lễ hội Đèn Nghè, Đình Kênh, Núi Voi...); chỉ đạo thực hiện triệt để việc niêm yết giá tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch; khuyến khích, động viên cộng đồng bảo vệ môi trường; đảm bảo môi trường sinh thái; giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc và đặc thù văn hoá địa phương; đảm bảo an ninh chính trị; trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường giao tiếp, ứng xử lịch sự, văn minh.

- Phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo thành phố về du lịch; Hiệp hội du lịch nâng cao hiệu quả quản lý và phối hợp liên ngành. Chỉ đạo vận động xây dựng các chi hội thuộc Hiệp hội Du lịch tăng cường liên kết tiềm lực, quy tụ hệ thống doanh nghiệp, phát triển cộng đồng doanh nghiệp mạnh mẽ về chất như Chi hội Lữ hành, Chi hội Khách sạn, Chi hội Vận chuyển khách du lịch, Chi hội đầu bếp...

3.4.3 Tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến du lịch; tập trung đầu tư xây dựng thương hiệu, sản phẩm du lịch đặc trưng của Hải Phòng:

Việt Nam là một nước khá được biết nhiều trên thế giới, ngành Du lịch Việt Nam còn non trẻ, mới phát triển vì vậy mà du lịch nhân văn ở nước ta khá được khách du lịch quốc tế tham gia nhiều. Trước thực tế đó ngành Du lịch Việt

Nam nói chung và các công ty du lịch cần tuyên truyền sâu rộng mạnh mẽ trên thị trường quốc tế về hình ảnh đất nước, con người Việt Nam. Chúng ta phải quảng cáo thật đúng, thật hay về các di tích lịch sử, văn hoá đó. Quảng cáo trong kinh doanh du lịch văn hoá phải trở thành hoạt động tất yếu, tuyên truyền quảng cáo cần chi phí lớn nhưng chúng ta phải thấy rằng đó là những chi phí cần thiết và chi phí quảng cáo sẽ tỷ lệ với lợi nhuận thu được.

Đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến du lịch thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như: báo, đài, trang thông tin điện tử; thông qua các hội chợ, triển lãm, tổ chức các sự kiện có tính chuyên nghiệp cao, liên hoan du lịch, lễ hội... Tăng cường tham khảo, trao đổi kinh nghiệm, phương pháp quản lý phát triển du lịch, cách làm quảng bá - xúc tiến với một số tỉnh, thành phố trong nước mạnh về du lịch, đặc biệt chú trọng tham gia tích cực các hoạt động xúc tiến giao lưu phát triển du lịch trong khuôn khổ tổ chức xúc tiến du lịch của các thành phố Châu Á - Thái Bình Dương mà Hải Phòng là thành viên.

Mở rộng hợp tác trong đào tạo nguồn nhân lực du lịch, nhất là hướng dẫn viên, thuyết minh viên. Phối hợp tổ chức các sự kiện văn hoá - du lịch, các hội chợ - triển lãm du lịch luân phiên tại mỗi địa phương.

Mở rộng và phát huy triệt để các mối quan hệ hợp tác song phương và đa phương nhằm tăng cường xúc tiến, quảng bá, thu hút khách, thu hút đầu tư nâng tầm vị thế, hình ảnh du lịch Hải Phòng đối với cả nước và khu vực.

- Xây dựng và tổ chức nghiên cứu thị trường và điều tra thông tin du khách.

- Tăng cường liên kết, hợp tác, đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến ra thị trường nước ngoài, tập trung ở thị trường truyền thống, trọng điểm, thị trường mới có tiềm năng. Tổ chức mỗi năm 2 đợt khảo sát, nghiên cứu thị trường nội địa và một đợt ra thị trường nước ngoài.

- Khắc phục tình trạng mùa vụ của du lịch, thu hút khách bằng các sự kiện văn hóa, du lịch tầm cỡ kèm theo các chương trình khuyến mãi, kích cầu,... Tổ chức các sự kiện văn hoá du lịch mang tính thường kỳ để tạo thói quen với du khách trong nước và quốc tế. Nghiên cứu giảm giá các dịch vụ du lịch vào mùa đông, giữ giá ổn định vào mùa hè.

- Tổ chức đón các đoàn famtrip, presstrip, tổ chức xúc tiến nhân sự kiện quốc tế lớn tại Việt Nam. Phối hợp với hàng không, phát những clip quảng cáo về chương trình, tuyến điểm du lịch trên các chuyến bay nội địa và quốc tế.

- Xây dựng thương hiệu cho Du lịch Hải Phòng với logo và slogan hấp dẫn để marketing cho giai đoạn phát triển tới đây của ngành.

- Tập trung vào thị trường gần như Trung Quốc và Châu Á và cần có các biện pháp mạnh như tập trung cao độ vào các chương trình xúc tiến, quảng bá.

- Công tác quảng bá, xúc tiến là phải nhà nước làm, bởi công tác này không chỉ là vì mục đích kinh doanh và vì để tuyên truyền hình ảnh của thành phố và nhiều vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá khác. Các doanh nghiệp đứng ra tổ chức thì không có tâm, không có điều kiện, đặc biệt khi tiếp xúc, giao lưu quốc tế phải là bộ mặt của cơ quan nhà nước. Cơ quan quản lý nhà nước về du lịch định hướng cho doanh nghiệp. Doanh nghiệp, đại diện là Hiệp hội Du lịch và cơ quan quản lý Nhà nước về du lịch phải phối hợp chặt chẽ, phân định vai trò của mỗi bên trong việc tổ chức các chương trình xúc tiến.

3.4.4. Tăng cường hợp tác liên kết phát triển du lịch:

Phát triển du lịch phải gắn với mở rộng không gian kinh tế, đẩy mạnh hội nhập quốc tế về nhiều mặt. Tăng cường hợp tác phát triển du lịch với các địa phương trong vùng đồng bằng sông Hồng, các địa phương thuộc “hai hành lang, một vành đai” kinh tế Việt Nam - Trung Quốc. Hợp tác xây dựng các tuyến du lịch liên vùng kết nối Hải Phòng với Hà Nội, Quảng Ninh và các điểm du lịch lân cận. Quan tâm hợp tác với các địa phương của Trung Quốc tổ chức các tuyến du lịch giữa hai nước, khai thác có hiệu quả nguồn khách du lịch đến từ thị trường Trung Quốc. Tổ chức các tuyến du lịch quốc tế (cả bằng đường bộ, đường không và đường biển) giữa các địa phương hai nước trong khu vực hai hành lang, một vành đai kinh tế; xây dựng tuyến du lịch biển vòng quanh vịnh Bắc Bộ. Phối hợp với các nước ASEAN hình thành các tuyến du lịch liên quốc gia, hợp tác khai thác nguồn khách du lịch từ các thị trường Đông Bắc Á, Châu Âu và Châu Mỹ đến bằng đường biển. Hợp tác xúc tiến mở các tuyến bay quốc tế từ Hải Phòng đến các địa phương

trong khu vực quốc tế; tăng cường xúc tiến thị trường khách trong nước tạo nguồn khách đối ứng nhằm nâng cao hiệu quả các tuyến bay.

Mở rộng hợp tác trong đào tạo nguồn nhân lực du lịch, nhất là hướng dẫn viên, thuyết minh viên. Phối hợp tổ chức các sự kiện văn hoá - du lịch, các hội chợ - triển lãm du lịch luân phiên tại mỗi địa phương.

Mở rộng và phát huy triệt để các mối quan hệ hợp tác song phương và đa phương nhằm tăng cường xúc tiến và quảng bá, thu hút khách, thu hút đầu tư nâng tầm vị thế, hình ảnh du lịch Hải Phòng đối với cả nước và khu vực.

3.4.5. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong hoạt động du lịch.

Sự hợp tác, liên kết giữa các cơ quan chức năng trong việc phát triển du lịch sẽ tạo điều kiện thuận lợi để khai thác các sản phẩm du lịch nhân văn đạt hiệu quả cao hơn, trong đó đặc biệt chú trọng đến sự liên kết giữa các địa phương có tài nguyên du lịch với các công ty lữ hành trong việc xây dựng, phát triển các tour du lịch nhân văn, qua đó các doanh nghiệp lữ hành có thể có sự hiểu biết về các nội dung nh- thời gian diễn ra lễ hội, sự kiện văn hoá, nội dung và nghi thức tiến hành... từ đó khảo sát, đánh giá chất lượng, hiệu quả, khả năng và điều kiện đảm bảo của hệ thống cơ sở hạ tầng du lịch tại điểm tham quan để có kế hoạch xây dựng các tour du lịch với thời gian và chương trình phù hợp với các đối tượng khác nhau.

Tăng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, ngân sách của thành phố cho bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá. Để phục vụ cho công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích đòi hỏi cần một nguồn kinh phí lớn mà chỉ trông chờ vào nguồn ngân sách của địa phương và của nhân dân công đức thì không đủ.

Phải có sự phối hợp trên quy mô toàn xã hội để xây dựng hình ảnh Hải Phòng. Tr-ớc những yêu cầu và điều kiện mới trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu, rộng, Du lịch Hải Phòng cần xây dựng những thương hiệu mạnh, đủ sức cạnh tranh trong khu vực và hội nhập quốc tế.

Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, chấn chỉnh các hoạt động tiêu cực nh- : vui chơi giải trí không lành mạnh, đánh bạc, xóc thẻ, bói toán, chèo kéo khách, bán hàng nâng giá sản phẩm, nâng giá phòng nghỉ, bán hàng rong, ăn xin, xả rác bừa bãi... tại các lễ hội gắn kết với du lịch (Lễ hội Chọi Trâu, Cát Bà, Lễ hội Đền Nghè, Đình Kênh, Núi Voi...); chỉ đạo thực hiện triệt để việc niêm yết giá tại

các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch; khuyến khích, động viên cộng đồng bảo vệ môi trường; đảm bảo môi trường sinh thái; giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc và đặc thù văn hoá địa phương; đảm bảo an ninh chính trị; trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường giao tiếp, ứng xử lịch sự, văn minh.

Phối hợp, liên kết với các vùng phụ cận (Thái Bình, Quảng Ninh, Hà Nội, Nam Định...) trong việc mở rộng các tour du lịch liên tỉnh dài ngày, trao đổi kinh nghiệm, hợp tác phát triển du lịch thành phố nói chung và du lịch nhân văn nói riêng với các tỉnh bạn.

Tổ chức hội thảo chuyên đề về văn hoá dân gian, trưng bày biểu diễn sản phẩm của làng nghề, các loại hình nghệ thuật tại các hội chợ, hội nghị, hội thảo, lễ hội lớn thu thập và lấy ý kiến của khách du lịch.

Hải Phòng có thể phát triển rất nhiều loại hình du lịch khác nhau như: du lịch sinh thái rừng, biển, du lịch tham quan nghiên cứu, du lịch văn hoá. Tuy nhiên, hiện tại Hải Phòng mới chỉ phát triển du lịch sinh thái biển là chủ yếu còn các loại hình du lịch khác như du lịch văn hoá vẫn chưa phát triển mạnh. Để các loại hình du lịch khác cùng phát triển, khắc phục tính thời vụ trong du lịch thì cần liên kết các loại hình du lịch này với nhau. Bởi vì mỗi loại hình du lịch thường có một nét đặc sắc riêng và có mùa vụ khác nhau như du lịch văn hoá thường phát triển mạnh vào mùa xuân, trong khi du lịch biển thì lại phát triển mạnh vào mùa hạ, du lịch tham quan nghiên cứu thì có thể phát triển quanh năm.

Để liên kết loại hình du lịch nhân văn với các loại hình du lịch khác cần có nhiều biện pháp khác nhau. Trước tiên là phải có sự thống nhất, bàn bạc hợp tác giữa các cơ quan quản lý của các loại hình du lịch khác nhau, có sự chỉ đạo quy hoạch tổng thể từ ngành Du lịch thành phố.

3.4.6. Quy hoạch và huy động nguồn nhân lực đầu tư

- Hoàn thành quy hoạch cụ thể phát triển du lịch Cát Bà và Đồ Sơn. Chú trọng đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện kết cấu hạ tầng trọng điểm du lịch Đồ Sơn, Cát Bà ; xây dựng cảng địa phương chuyên doanh phục vụ du lịch; tiếp tục đầu tư phát triển và nâng cấp hệ thống giao thông thủy tuyến du lịch Hải Phòng – Cát Bà ; đề nghị các Bộ, ngành liên quan thực hiện nâng cấp sân bay Cát Bi đảm bảo tiêu chuẩn quốc tế.

- Hải Phòng có nhiều núi và hệ thống sông chạy dài từ Thủy Nguyên qua Kiến An, An Lão, Kiến Thụy, Đồ Sơn tạo nhiều cảnh quan thiên nhiên nhưng do chưa có quy hoạch khai thác và bảo tồn nên hiện nay vẫn còn tình trạng khai thác tự phát, phá vỡ cảnh quan, môi trường sinh thái. Thành phố kiên quyết chỉ đạo xây dựng quy hoạch cụ thể vùng được khai thác nguyên vật liệu và những vùng phải bảo tồn cảnh quan, môi trường sinh thái, góp phần bảo vệ tài nguyên du lịch cho thành phố.

- Tập trung đầu tư nâng cấp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật sân bay quốc tế Cát Bi và mở được tuyến bay quốc tế ngắn đến Hải Phòng. Trong quá trình quy hoạch xây dựng hệ thống cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, khuyến khích xã hội hóa việc xây dựng một số bến tàu khách du lịch của doanh nghiệp văn minh, hiện đại; thực hiện hợp tác quốc tế mở tuyến du lịch tàu biển đến Hải Phòng. Tiếp tục quan tâm đầu tư nâng cấp và hoàn thiện một số tuyến giao thông phục vụ phát triển du lịch trên địa bàn thành phố, đặc biệt quan tâm cho tuyến giao thông ra khu du lịch Cát Bà. Trong việc triển khai mở đường bay và đường du lịch biển quốc tế, thành phố cần nghiên cứu thành lập tổ công tác nghiệp vụ kỹ thuật chuyên để đảm nhiệm tác nghiệp bao gồm nhân sự từ lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố đến đại diện một số cơ quan, sở, ngành chức năng liên quan. Đó là một đầu mối công tác được phân cấp trách nhiệm cụ thể. Xem xét có thể giao nhiệm vụ cụ thể này cho Ban hợp tác kinh tế quốc tế thành phố trên cơ sở gắn với chức năng và chương trình công tác của từng cơ quan liên quan.

- Ưu tiên phát triển quy hoạch không gian hệ thống khách sạn và hướng các dự án vào khu vực phát triển đô thị, cần đáp ứng yêu cầu khuôn viên cây xanh,

đường nội bộ, bãi đỗ xe, công trình thể thao tổng hợp và các dịch vụ tiện ích khác cho du khách tại khách sạn; ưu tiên thu hút đầu tư các dự án khách sạn cao sao, đặc biệt là 5 sao, các dự án resort đồng bộ, công viên văn hóa giải trí trên địa bàn thành phố.

- Chỉ đạo các ngành chức năng kiên quyết giải tỏa chợ lòng đường khu vực chùa Hàng tạo điều kiện thuận lợi cho xe du lịch có thể tiếp cận chùa và bố trí điểm đỗ xe du lịch trên tuyến đường Hàng Kênh (đoạn chợ Hàng). Lắp đặt hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn, sơ đồ tại toàn bộ các điểm tham quan gồm: Nội thành Hải Phòng, Khu du lịch Đồ Sơn, Cát Bà và tuyến du khảo đồng quê Tiên Lãng – Vĩnh Bảo. Nâng cấp một số tuyến đường đến các điểm tham quan nói trên đảm bảo thuận tiện cho các phương tiện vận chuyển khách du lịch dễ dàng tiếp cận điểm tham quan.

3.5. Một số kiến nghị

3.5.1. Kiến nghị với Tổng cục Du lịch:

- Hỗ trợ trong việc xây dựng, ban hành các cơ chế chính sách nói chung về du lịch. Đồng thuận cùng với UBND thành phố trong việc đề nghị Chính phủ cho phép thực hiện các chủ trương chính sách ưu tiên và thu hút đầu tư cho phát triển du lịch Hải Phòng theo đúng các định hướng đề ra.

- Hỗ trợ trong việc lập kế hoạch xin cấp vốn đầu tư phát triển hạ tầng du lịch từ ngân sách cấp cho ngành Du lịch để tạo đà cho du lịch Hải Phòng triển khai các dự án đầu tư cho các khu, tuyến, điểm du lịch trên địa bàn của thành phố.

- Hỗ trợ trong việc xúc tiến tuyên truyền quảng bá hình ảnh du lịch Hải Phòng và kêu gọi đầu tư theo các kênh chính thức của Tổng cục Du lịch (các chương trình hợp tác quốc tế cấp quốc gia, hội chợ, hội thảo quốc tế và quốc gia...).

- Hỗ trợ trong việc lập kế hoạch và điều phối các địa phương hợp tác triển khai thực hiện các chương trình du lịch ở cấp quốc gia, vùng và các chương trình quốc tế, đặc biệt là hợp tác du lịch trong khu vực ASEAN và APEC.

- Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực trong ngành du lịch, bao gồm cả đào tạo nghiệp vụ cho các cán bộ quản lý và đào tạo nghề cho đội ngũ lao động.

3.5.2. Kiến nghị với UBND Thành phố

- UBND Thành phố chỉ đạo các Sở, ban, ngành thực hiện theo đúng định hướng, đặc biệt là quản lý chặt chẽ việc đầu tư các dự án phát triển du lịch và xúc tiến quảng bá du lịch .

- UBND Thành phố cho phép triển thực hiện các cơ chế chính sách ưu tiên, đặc biệt là giải quyết hài hòa yêu cầu giữa đảm bảo an ninh quốc phòng và mở cửa phát triển kinh tế tại một số khu vực có tiềm năng phát triển du lịch nhưng do quốc phòng quản lý; ngoài ra cần ưu tiên đặc biệt về nguồn vốn cho phát triển du lịch, trong đó việc phát triển đồng bộ hạ tầng du lịch chiếm vai trò quyết định.

- Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng giao Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì cùng phối hợp với các Sở, ban, ngành thành phố được phép tổ chức (đấu thầu), thuê tư vấn nước ngoài, qui hoạch tổng thể và cụ thể kiến trúc không gian hai khu du lịch trọng điểm Đồ Sơn, Cát Bà. Qui hoạch này là cơ sở pháp lý cho việc quản lý đầu tư phát triển du lịch của Hải Phòng đến năm 2020.

- Chỉ đạo các Sở, ban, ngành liên quan bố trí nguồn vốn đầu tư, quảng bá và xúc tiến du lịch tương xứng tiềm năng phát triển du lịch của địa phương mình để hình thành các khu, điểm du lịch tạo thế liên hoàn với các điểm du lịch khác để thu hút khách du lịch.

- Có ý kiến đề nghị với Chính phủ và các Bộ ngành trung ương cho phép thực hiện các cơ chế chính sách ưu tiên về tài chính, thu hút đầu tư để tạo cơ sở và các điều kiện cho du lịch Hải Phòng bứt phá và hoàn thành các chỉ tiêu đã đặt ra đến năm 2020

KẾT LUẬN

Việt Nam là một đất nước giàu bản sắc dân tộc với nhiều nét đặc sắc trong nền văn hóa của cộng đồng 54 dân tộc anh em có hàng ngàn năm bề dày lịch sử, văn hóa đa dạng trải dài từ Bắc vào Nam. Là một đất nước với biết bao cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, nguồn tài nguyên đa dạng. Hơn nữa Việt Nam có thế mạnh về sự ổn định trong tình hình kinh tế, chính trị, xã hội. Tất cả những điều đó đã đưa ngành Du lịch Việt Nam ngày càng phát triển trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn của quốc gia. Vì vậy, trong những năm tới ngành Du lịch Việt Nam cần phấn đấu khai thác hết tiềm năng vốn có của mình để đưa du lịch Việt Nam phát triển kịp xu thế phát triển của du lịch thế giới.

Hải Phòng - nơi được thiên nhiên ưu đãi với phong cảnh đẹp, nơi có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch như du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hoá, lịch sử với những địa danh du lịch nổi tiếng.

Qua quá trình tìm hiểu điều tra, đánh giá về thực trạng hoạt động du lịch Hải Phòng, được sự giúp đỡ của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, tôi đã nhận ra những điểm mạnh và điểm yếu, những thuận lợi và khó khăn qua những kết quả thu được. Trên cơ sở đó đề ra những giải pháp phát triển du lịch Hải Phòng trong thời gian tới, thu hút ngày càng nhiều khách du lịch đến với Hải Phòng. Qua đó đưa ra các kiến nghị đối với Tổng cục Du lịch, UBND thành phố Hải Phòng mong tạo điều kiện phát triển du lịch thành phố. Bên cạnh đó là sự hướng dẫn nhiệt tình của thầy Bùi Văn Hòa tôi đã hoàn thành đề tài nghiên cứu này. Với mong muốn đóng góp một số ý kiến quan điểm của mình trong việc tìm ra những giải pháp phát triển du lịch Hải Phòng nhằm nâng cao sức hấp dẫn của Hải Phòng.

Trong quá trình thực hiện người viết khóa luận đã tham khảo một số tài liệu, kết quả nghiên cứu của các tác giả khác. Người viết khóa luận xin chân thành cảm ơn các cơ quan tổ chức và các tác giả đã được trích dẫn trong bài viết.

Dù đã cố gắng trong quá trình hoàn thành đề khóa luận có tính khoa học và thực tiễn cao nhất song do trình độ chuyên môn và vốn kiến thức còn hạn chế nên khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong nhận được những ý kiến đóng góp, nhận xét để khóa luận đạt kết quả tốt nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình “ *Nhập môn khoa học du lịch*” – Trần Đức Thanh, Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội 2003
2. Giáo trình “ *Quy hoạch du lịch*” – Bùi Thị Hải Yến.
3. Giáo trình “ *Tuyển điểm du lịch*” – Bùi Thị Hải Yến, Nhà xuất bản Giáo dục 2006
4. Giáo trình “ *Cơ sở địa lý du lịch*” – TS. Nguyễn Minh Tuệ cùng các đồng nghiệp, Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh.
5. Báo điện tử Hải Phòng, trang web: www.haiphong.gov.vn.
6. Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển du lịch thành phố Hải Phòng đến năm 2020 – Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Hải Phòng.
7. Sở du lịch Hải Phòng. Báo cáo tình hình khách du lịch qua các năm.
8. Sở du lịch Hải Phòng, điều chỉnh và bổ xung.
9. Wesdite:
www.google.com
www.haiphong.gov.vn
10. Sở Du lịch Hải Phòng, *Du lịch Hải Phòng*, Nhà xuất bản Hải Phòng 2006.

PHỤ LỤC

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	7
1. Lý do chọn đề tài:	7
2. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài:	8
3. Phương pháp nghiên cứu:	8
5. Bố cục của khóa luận:	9
CHƯƠNG I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN DU LỊCH	10
1.1. Khái quát chung về du lịch.....	10
1.1.1. Khái niệm du lịch, khách du lịch, khu du lịch	10
1.1.2. Tài nguyên du lịch.....	12
1.1.3. Đặc điểm của sản phẩm du lịch.....	13
1.1.4. Các loại hình du lịch.....	14
1.2. Vai trò của hoạt động du lịch.....	19
1.2.1. Vai trò của hoạt động du lịch đối với sự phát triển kinh tế xã hội	19
CHƯƠNG II. TÀI NGUYÊN VÀ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH HẢI PHÒNG GIAI ĐOẠN 2006 - 2010	16
2.1. Tài nguyên du lịch Hải Phòng	22
2.1.1. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch tự nhiên	22
2.1.1.1. Vị trí địa lý	22
2.1.1.2. Địa hình	22
2.1.1.3. Khí hậu, thủy văn, hải văn	24
2.1.1.4. Tài nguyên sinh vật	25
2.1.1.5. Đánh giá chung về tài nguyên du lịch tự nhiên.....	26
2.1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn	27
2.1.2.1. Các di tích lịch sử văn hóa	27
2.1.2.2. Các lễ hội truyền thống	28
2.1.2.3. Các làng nghề truyền thống.....	38
2.1.3. Cư dân	39
2.1.4. Đánh giá chung tài nguyên du lịch nhân văn ở Hải Phòng.....	40
2.2. Thực trạng du lịch Hải Phòng giai đoạn 2006 - 2010	40

2.2.1. Tình hình chung	40
2.2.2. Thực trạng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật.....	42
2.2.2.1. Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch:.....	42
2.2.2.2. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật.....	44
2.2.3. Thực trạng đội ngũ lao động và quản lý	46
2.2.4. Hoạt động quảng bá du lịch	47
2.2.5. Kết quả hoạt động kinh doanh	48
2.2.6. Quy hoạch và đầu tư du lịch	53
2.2.7. Đánh giá chung.....	59
CHƯƠNG III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH HẢI PHÒNG	
GIAI ĐOẠN 2011 - 2015	60
3.1. Định hướng phát triển du lịch Việt Nam.....	60
3.2. Định hướng phát triển du lịch Hải Phòng	62
3.3. Mục tiêu phát triển du lịch Hải Phòng giai đoạn 2011 - 2020	63
3.4. Giải pháp phát triển du lịch Hải Phòng.....	64
3.4.1. Đào tạo nguồn nhân lực trong ngành du lịch.....	65
3.4.2. Xây dựng cơ chế, chính sách:.....	66
3.4.3 Tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến du lịch; tập trung đầu tư xây dựng thương hiệu, sản phẩm du lịch đặc trưng của Hải Phòng:.....	67
3.4.4. Tăng cường hợp tác liên kết phát triển du lịch:.....	69
3.4.5. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong hoạt động du lịch.....	70
3.4.6. Quy hoạch và huy động nguồn nhân lực đầu tư	72
3.5. Một số kiến nghị.....	73
3.5.1. Kiến nghị với Tổng cục Du lịch:.....	73
3.5.2. Kiến nghị với UBND Thành phố	74
KẾT LUẬN	74
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

STT	Tên Dự án	Địa điểm	Tổng vốn đầu tư (tỉ đ)	Năm phê duyệt	Thời gian hoàn thành
1.	Đ-ờng Du lịch Gia Luận – V-ờn Quốc gia – thị trấn Cát Bà	Huyện Cát Hải	87,498	2006	2007
2.	Xử lý n-ớc thải, nạo vét vụng Tùng Dinh	Huyện Cát Hải	24,534	2006	2007
3.	Đ-ờng vào Khu di tích Nguyễn Bình Khiêm	Huyện Vĩnh Bảo	13,063	2006	2007
4.	Cấp n-ớc sạch thị trấn Cát Bà giai đoạn I	Huyện Cát Hải	33,900	2006	2008
5.	Thăm dò cấp n-ớc sạch thị trấn Cát Bà giai đoạn II	Huyện Cát Hải	7,675	2006	2009
6.	Đ-ờng du lịch du khảo đồng quê Vĩnh Bảo	Huyện Vĩnh Bảo	22,731	2006	2010
7.	Trung tâm giới thiệu sản phẩm làng nghề – quảng bá du lịch	Ch- a có địa điểm	4,000	2007	2010
8.	Đ-ờng du lịch Gia Luận – V-ờn Quốc Gia Cát Bà	Huyện Cát Hải	22,064	2007	2008
9.	Mở rộng đ-ờng xuyên đảo Cát Bà đoạn Mốc Trắng – ngã 3 Hiên Hào	Huyện Cát Hải	22,064	2007	2009
10.	Đ-ờng vào khu di tích LS Chùa Thái, Trấn D-ong, Vĩnh Bảo	Huyện Vĩnh Bảo	7,083	2007	2010
11.	Xây dựng Công viên Bến Nghiêng – Khu II, Đồ Sơn	Quận Đồ Sơn	2,422	2007	2007
12.	Đ-ờng xuyên đảo Cát Bà (Cái Viêng – Mốc Trắng)	Huyện Cát Hải	57,194	2008	2009
13.	Cải tạo chợ Hàng – quận Lê Chân	Lê Chân	6,896	2008	2010
14.	Mở rộng đ-ờng từ bến xe Khu II – Bến Nghiêng	Đồ Sơn	29,299	2008	2010
15.	Nâng cấp, mở rộng đ-ờng giao thôn từ ngã 3 Hiên Hào qua V-ờn Quốc Gia đến Thị trấn Cát Bà	Huyện Cát Hải	90,436	2009	2011
Cộng			430,859		

**Các dự án đầu t- vào du lịch Hải Phòng thuộc vốn ngoài ngân sách
(Từ năm 2004 đến nay)**

STT	Tên Dự án	Địa điểm	Tổng vốn đầu tư
I. Các dự án đã đi vào hoạt động			
1.	- Dự án xây dựng khách sạn Quốc tế Camela của Công ty TNHH Vĩnh Hoàng	Ph-ờng Hùng V-ong, quận Hồng Bàng	13
2.	- Dự án Khu DVDL Quốc tế Camela của C.ty TNHH Vĩnh Hoàng	Ph-ờng Hùng V-ong, quận Hồng Bàng	13
3.	- Dự án Khu thể thao giải trí nhảy dù trên biển của Công ty Cổ phần T- vấn Lục Thành	Tại Ph-ờng Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn	7
4.	- Dự án xây dựng Khu du lịch nghỉ d-ỡng Lạch Cá - Cát Bà của Công ty TNHH Nhật Việt	Xã Xuân Đám, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng	35
5.	-Dự án Xây dựng nhà hàng ăn uống và khách sạn của Công ty TNHH Th-ong mại Phúc An	Xã An Đông, huyện An D-ong, TP Hải Phòng	23

STT	Tên Dự án	Địa điểm	Tổng v đầu
6.	- Dự án xây dựng KS Hùng Long của Công ty TNHH Hùng Long	Đ- ờng Chùa Đông, Cát Cò III, thị trấn Cát Bà	28
7.	- Dự án Xây dựng bến phà du lịch Gia Luận – Cát Bà của Công ty TNHH Âu Lạc	Xã Gia Luận, huyện Cát Hải, TP Hải Phòng	4
Cộng			16
II. Các dự án đang triển khai			
8.	- Dự án Khách sạn Quốc tế NACIMEX Đồ Sơn của Công ty Cổ phần tập đoàn Nam C- ờng tại Hà Nội	Ph- ờng Vạn Sơn, Quận Đồ Sơn, Hải Phòng	22
9.	- Dự án Khu đô thị Du lịch Quang Minh (Quang Minh newlife) của Công ty Cổ phần Đầu t- - Du lịch Quang Minh - VINASHIN	Tại xã Thủy Sơn, Thiên H- ơng, huyện Thủy Nguyên	19
10.	- Dự án Khu dịch vụ du lịch sinh thái Phú Gia của Công ty TNHH Phú Gia	Tại Xã Anh Dũng, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng	4
11.	- Dự án xây dựng Trung tâm th- ơng mại dịch vụ và khách sạn cao cấp của Công ty TNHH Th- ơng mại và Dịch vụ Duy H- ơng	số 04 lô 10A - Khu đô thị mới Ngã Năm sân bay Cát Bi, quận Hải An, Hải Phòng	19
12.	- Sân golf quốc tế 18 hố Đồ Sơn của Công ty Cổ phần Th- ơng mại và Du lịch Ngân Anh	Tại ph- ờng Ngọc xuyên, Quận Đồ Sơn , TPHP	3
13.	- Khu đô thị và du lịch sinh thái của Công ty Cổ phần Th- ơng mại và Du lịch Ngân Anh	Tại ph- ờng Ngọc xuyên, Quận Đồ Sơn, TPHP	
14.	- Làng biệt thự cao cấp Đồ Sơn của Công ty Cổ phần DaSo	Ph- ờng Vạn H- ơng, Quận Đồ Sơn, TPHP	123,5
15.	- Khu đô thị du lịch Cái Giá của C.ty Cổ phần Cổ phần đầu t- và Phát triển du lịch VINACONEX	Tại Vịnh Cái Giá, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải	
16.	- Làng Du lịch Áng Khe Thùng của Công ty Cổ phần Sinh thái Cát Tiên	Tại núi Thanh Quýt, thị trấn Cát Bà, Hải Phòng	
17.	- Khu du lịch quốc tế Hòn Dấu của Công ty Cổ phần du lịch quốc tế Hòn Dấu	Tại đảo Dấu ph- ờng Vạn H- ơng, Quận Đồ Sơn	
18.	- Khu du lịch sinh thái kết hợp nghỉ d- ỡng của Công ty TNHH Quốc H- ơng	Tại xã Hiền Hào, thị trấn Cát Bà, H. Cát Hải, TPHP	
19.	- Xây dựng khách sạn VILOGI	Tại ph- ờng Vạn H- ơng, quận Đồ Sơn, TP HP	
20.	- Xây dựng bến tàu du lịch của Công ty TNHH Vận tải du lịch Cát Bà	Tại ph- ờng Đông Hải, quận Hải An, TP HP	
21.	- Xây dựng bến tàu khách du lịch bến Bính Công ty Cổ phần vận tải và du lịch Hải Phòng	Tại ph- ờng Minh Khai, Quận Hong Bang, TPHP	
22.	- Xây dựng khách sạn và nhà hàng dịch vụ ăn uống của Xí nghiệp tập thể Bắc Hải	Xã Nam Sơn, huyện An D- ơng, Hải Phòng	
23.	- Xây dựng Trung tâm Th- ơng mại đa chức năng Hải Phòng PLAZA của C.ty CP TM Hải Phòng PLAZA	Ph- ờng Đằng Hải , quận Hải An, TP Hải Phòng	2
24.	- Xây dựng khách sạn 4 sao của Công ty Cổ phần Th- ơng mại Đầu t- Tân H- ơng	48 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, TP HP	1
25.	- Xây dựng Khu du lịch sinh thái quốc tế của Công ty Cổ phần Đầu t- Hùng V- ơng	Bãi Cát Cò II, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải	2
26.	- Xây dựng Khu Du lịch sinh thái Cửa Bèo của Công ty Cổ phần phát triển nhà và Đô thị Hà Nội	Thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, TP Hải Phòng	2

STT	Tên Dự án	Địa điểm	Tổng v đầu
27.	- Xây dựng Tr.tâm DLsinh thái, sinh vật cảnh vui chơi giải trí của C.ty CP Th- ong mại và đầu t- Hùng Quỳnh	Xã Nam Sơn, huyện An D- ong, TP Hải Phòng	1
28.	- ây dựng Khu dịch vụ nhà hàng câu cá, nhà nghỉ của Công ty TNHH dịch vụ Minh Quân	Xã Quang Trung, huyện An Lão, TP Hải Phòng	
29.	- Dự án xây dựng văn phòng, khách sạn, khu dịch vụ du lịch của Công ty Cổ phần Du lịch Hải Đăng	Quận Hải An, thành phố Hải Phòng	3
30.	- Dự án xây dựng Khu dịch vụ và vui chơi giải trí Kinh Thành của Công ty Cổ phần Kinh Thành	Vùng Đông Hồ, thị trấn Cát Bà, H. Cát Hải, HP	69
31.	- Dự án xây dựng Khu công viên cây xanh, kết hợp vui chơi giải trí, kinh doanh dịch vụ du lịch của Công ty Cổ phần Th- ong Mại Sông Cấm	Ph- ờng Sở Dầu, quận Hồng Bàng, TP HP	7
Cộng			18.9
III.Các dự án ch- a triển khai			
32.	- Dự án xây dựng Khu du lịch đảo Cát Bà của Công ty Cổ phần khu du lịch đảo Cát Bà	Thị trấn Cát Bàm, huyện Cát Hải, TP Hải Phòng	9
33.	- Dự án xây dựng nhà nghỉ cuối tuần Vạn H- ong của Công ty Cổ phần Đầu t- và phát triển du lịch VINACONEX	Ph- ờng Vạn H- ong, quận Đồ Sơn, TP HP	20
34.	- Dự án xây dựng Khu du lịch phố nghề Tiểu Đô Sơn của Công ty TNHH Hải Đô Cổ	Ph- ờng Anh Dũng, quận D- ong Kinh, TPHP	5
Cộng			30
Tổng cộng I+II+III			19.9 173,5

tình hình thu hút các dự án đầu tị trực tiếp nịớc ngoài vào du lịch Hải Phòng
(Từ năm 2007đến nay)

Đơn vị tính : Triệu USD

TT	T^n C<ng ty	Nhụ @Çu t-	Hình thức đầu t-	Môc @Ých @Çu t-
1.	Công ty TNHH Du lịch chào buổi sáng	Nga	Liên doanh	Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, lữ hành nội địa
2.	Công ty TNHH Phú Phát Hồng Nghiệp	Đài Loan	Liên doanh	Kinh doanh dịch vụ khách sạn và nhà hàng ăn uống
3.	Công ty TNHH Mibaek	Tập đoàn Mibaek (Hàn Quốc)	100% vốn n- ớc ngoài	- Đầu t- xây dựng, kinh doanh sân golf 27 hố, khu tập đánh golf, khu nhà nghỉ, câu lạc bộ cho khách chơi golf.

4.	Công ty TNHH Sen Xanh	Tập đoàn Accura – Singapore	100% vốn n-óc ngoài	- Đầu t- khu vui chơi giải trí Vạn Sơn và Khách sạn 5 sao và 2 trung tâm hội nghị tiêu chuẩn quốc tế. Giai đoạn I xây dựng sân tập golf, khu ẩm thực. Giai đoạn II xây dựng khách sạn, trung tâm hội nghị ...
5.	Công ty TNHH một thành viên Quốc tế Đông Thăng Hải Phòng	HongKong	100% vốn n-óc ngoài	Xây dựng trung tâm thương mại, văn phòng, căn hộ cho thuê, kinh doanh nhà hàng ăn uống
6.	Công ty TNHH Tập đoàn phát triển bất động sản Thành Công	Mỹ	100% vốn n-óc ngoài	Kinh doanh bất động sản, kinh doanh khách sạn, nhà hàng, các hoạt động vui chơi giải trí
Tổng cộng				

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình “ *Nhập môn khoa học du lịch*” – Trần Đức Thanh, Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội 2003
2. Giáo trình “ *Quy hoạch du lịch*” – Bùi Thị Hải Yến.
3. Giáo trình “ *Tuyến điểm du lịch*” – Bùi Thị Hải Yến, Nhà xuất bản Giáo dục 2006
4. Giáo trình “ *Cơ sở địa lý du lịch*” – TS. Nguyễn Minh Tuệ cùng các đồng nghiệp, Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh.
5. Báo điện tử Hải Phòng, trang web: www.haiphong.gov.vn.
6. Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển du lịch thành phố Hải Phòng đến năm 2020 – Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Hải Phòng.
7. Sở du lịch Hải Phòng. Báo cáo tình hình khách du lịch qua các năm.
8. Sở du lịch Hải Phòng, điều chỉnh và bổ sung.
9. Wesdite:
www.google.com
www.haiphong.gov.vn
10. Sở Du lịch Hải Phòng, *Du lịch Hải Phòng*, Nhà xuất bản Hải Phòng 2006.

PHỤ LỤC



Cát bà



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình “ *Nhập môn khoa học du lịch*” – Trần Đức Thanh, Nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội 2003
2. Giáo trình “ *Quy hoạch du lịch*” – Bùi Thị Hải Yến.
3. Giáo trình “ *Tuyến điểm du lịch*” – Bùi Thị Hải Yến, Nhà xuất bản Giáo dục 2006
4. Giáo trình “ *Cơ sở địa lý du lịch*” – TS. Nguyễn Minh Tuệ cùng các đồng nghiệp, Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh.
5. Báo điện tử Hải Phòng, trang web: www.haiphong.gov.vn.
6. Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển du lịch thành phố Hải Phòng đến năm 2020 – Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Hải Phòng.
7. Sở du lịch Hải Phòng. Báo cáo tình hình khách du lịch qua các năm.
8. Sở du lịch Hải Phòng, điều chỉnh và bổ sung.
9. Wesdite:
www.google.com
www.haiphong.gov.vn
10. Sở Du lịch Hải Phòng, *Du lịch Hải Phòng*, Nhà xuất bản Hải Phòng 2006.



Cát bà

